

CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Cơ sở
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ
TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

Địa điểm: Lô B27 (Số lô cũ A14), Khu công nghiệp Phú Tài,
phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Quy Nhơn, tháng ... năm 2024

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của Cơ sở NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

Địa điểm: Lô B27 (Số lô cũ A14), Khu công nghiệp Phú Tài,
phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

Giám Độc
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG
Lê Minh Thiện

Digitally signed by CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG HƯNG
DN: C=VN, L=BÌNH ĐỊNH, CN=CÔNG
TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST
:4100480974
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2024.10.29 08:30:28+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TÍN MỸ

Giám Độc
CÔNG TY
TNHH
CÔNG
NGHỆ MÔI
TRƯỜNG
TÍN MỸ
Nguyễn Thành Nhân

Digitally signed by CÔNG TY
TNHH CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG TÍN MỸ
DN: C=VN, S=BÌNH ĐỊNH,
L=Huyện Tuy Phước,
CN=CÔNG TY TNHH CÔNG
NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÍN MỸ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:4101455681
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2024-10-28 16:25:47
Foxit Reader Version: 9.5.0

Quy Nhơn, tháng ... năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH	vi
CHƯƠNG I	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1.1 Tên chủ cơ sở.....	7
1.2. Tên cơ sở	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	10
1.3.1. Công suất của cơ sở:	10
1.3.2. Công nghệ sản xuất của Nhà máy.....	10
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	11
1.3.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất.....	11
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	12
1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất.....	12
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	13
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước	13
1.4.4. Nhu cầu hóa chất.....	14
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	15
1.5.1. Hiện trạng hạ tầng KCN	15
1.5.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư.....	15
1.5.3. Nhu cầu về lao động	16
1.5.4. Tiêu thụ sản phẩm.....	16
1.5.5. Cây xanh	16
1.5.6. Tổ chức quản lý và thực hiện của Nhà máy	17
CHƯƠNG II.....	18
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	18
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	18

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.	18
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	18
CHƯƠNG III	20
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP.....	20
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	20
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	20
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	20
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	21
3.1.3. Xử lý nước thải	21
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	22
3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.....	22
3.2.2. Đối với bụi từ hoạt động sản xuất.....	23
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	24
3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt.....	24
3.3.1. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường	25
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại	26
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	28
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	28
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	30
3.8. Các nội dung thay đổi so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.....	30
CHƯƠNG IV	32
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	32
4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải.....	32
4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải	32
4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	32
4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	33
4.2.1. Nội dung cấp phép khí thải	33
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải	36

4.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường	37
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	38
4.4. Yêu cầu quản lý chất thải	38
4.4.1. Quản lý chất thải	38
4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	40
CHƯƠNG V	41
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	41
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:	41
5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải:	41
5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí:.....	41
CHƯƠNG VI	43
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	43
6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải của cơ sở	43
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	43
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	43
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	44
6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ	44
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	44
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường	44
CHƯƠNG VII.....	45
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	45
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	45
CHƯƠNG VIII	46
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	46
PHỤ LỤC	47

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
KCN	: Khu công nghiệp
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Các hạng mục công trình tại nhà máy.....	9
Bảng 1. 2. Danh mục máy móc, thiết bị của nhà máy.....	11
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại nhà máy	12
Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu dùng nước	14
Bảng 1. 5. Nhu cầu hóa chất sử dụng	14
Bảng 3. 1. Thông số của hệ thống xử lý hơi dung môi, bụi sơn.....	23
Bảng 3. 2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTR công nghiệp thông thường.....	25
Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động	26
Bảng 3. 4. Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.....	30
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01 – 06	36
Bảng 4. 2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát trong Nhà máy.....	38
Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	39
Bảng 5. 1. Kết quả môi trường không khí năm 2023	41
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm	43
Bảng 6. 2. Thông tin quá trình lấy mẫu	43
Bảng 6. 3. Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	44

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí của Nhà máy	8
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gỗ	11
Hình 1. 3. Dải cây xanh tại khu vực nhà máy	16
Hình 1. 4. Sơ đồ tổ chức quản lý của cơ sở	17
Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy	20
Hình 3. 2. Đường ống và mương thoát nước mưa của nhà xưởng	20
Hình 3. 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải của nhà máy	21
Hình 3. 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của nhà máy	21
Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại	22
Hình 3. 6. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt	24
Hình 3. 7. Thùng chứa chất thải sinh hoạt	25
Hình 3. 8. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	27

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Hoàng Hưng
- Địa chỉ: Lô B27, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện: (Ông) Lê Minh Thiện
- Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 0563.741.109 – 0913.440.600
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100480974 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 02 năm 2003, thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 09 năm 2014 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp.
- Phiếu xác nhận bản đăng ký Đạt tiêu chuẩn môi trường số 2101/STN&MT ngày 05 tháng 08 năm 2005 của cơ sở: Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa do Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp.

1.2. Tên cơ sở

“Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”

(Sau đây gọi tắt là Cơ sở hoặc Nhà máy)

- Địa điểm của Nhà máy: Lô B27, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vị trí tiếp giáp của các khu vực sau:

- Phía Đông tiếp giáp: Công ty Cổ phần Năng lượng sinh học Phú Tài;
- Phía Tây tiếp giáp: Giáp đường số 14 KCN, lộ giới 14,5m;
- Phía Nam tiếp giáp: Công ty TNHH Hoàng Trang;
- Phía Bắc tiếp giáp: Đường số 19 KCN, lộ giới 20m.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 1. 1. Vị trí của Nhà máy

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 160052, số vào sổ cấp GCN số CT01517 ngày 24/09/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp.

- Phiếu xác nhận bản đăng ký Đạt tiêu chuẩn môi trường số 2101/STN&MT ngày 05/08/2005 của Dự án: Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa do Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định cấp.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của cơ sở: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định là cơ quan phê duyệt thiết kế xây dựng và các loại thủ tục liên quan đến cơ sở như sau:

- + Giấy chứng nhận đầu tư số 35221000202 chứng nhận lần đầu ngày 16/12/2013 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

- + Quyết định số 342/QĐ-BQL ngày 11/3/2010 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 số do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

- + Giấy phép xây dựng số 18/GPXD ngày 30/07/2010 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

- + Giấy phép xây dựng số 15/GPXD ngày 06/4/2011 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPĐD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 8

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Quy mô đầu tư của Nhà máy:

+ Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của công ty TNHH Hoàng Hưng được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 17.246,25 m² nhưng trên thực tế đo đạc thì tổng diện tích là 17.037 m² (Theo Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III số 14/2011/HĐ-TLĐ-A ngày 09/05/2011).

+ Căn cứ vào khoản 3, Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, thì “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng có tổng vốn đầu tư là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) thuộc quy mô nhóm C.

+ Quy mô đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Nhà máy:

Bảng 1. 1. Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ
1	Đất xây dựng	10.981	63,7%
2	Đất cây xanh	1.754	10,1%
3	Đất giao thông nội bộ, PCCC	2.665	15,5%
4	Đất sân bãi	1.849,25	10,7%
Tổng diện tích		17.246,25	100,0%

Nguồn: Bản vẽ quy hoạch điều chỉnh mặt bằng

Bảng 1. 2. Các hạng mục công trình tại nhà máy

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
1	Nhà làm việc dự kiến nâng làm 2 tầng	m ²	359,0	Hiện trạng
2	Nhà bảo vệ	m ²	12,2	Hiện trạng
3	Nhà nghỉ ca công nhân	m ²	375,0	Hiện trạng
4	Nhà để xe CNV	m ²	59,5	Hiện trạng
5	Trạm điện	m ²	12,2	Hiện trạng
6	Nhà ăn nghỉ ca khối văn phòng	m ²	134,0	Hiện trạng
7	Kho thành phẩm	m ²	4.400,0	Hiện trạng
8	Xưởng đóng gói	m ²	2.720,0	Hiện trạng

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPĐD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
9	Trạm bơm + Bể nước	m ²	32,0	Hiện trạng
10	Nhà trưng bày sản phẩm xây mới	m ²	1.152,0	Hiện trạng
11	Nhà vệ sinh	m ²	72,0	Hiện trạng
12	Cụm lò sấy hiện trạng	m ²	840,0	Tháo dỡ
13	Lò sấy cải tạo	m ²	533,0	Tháo dỡ
14	Xưởng đóng gói cải tạo tại từ xưởng phun sơn	m ²	280,0	Hiện trạng
15	Lò luộc tháo dỡ	m ²	200,0	Tháo dỡ
16	Xưởng cưa CD tháo dỡ	m ²	320,0	Tháo dỡ
17	Nhà hút bụi tháo dỡ	m ²	120,0	Tháo dỡ
18	Cụm lò sấy tháo dỡ	m ²	238,0	Tháo dỡ
19	Xưởng phun sơn hiện trạng	m ²	220,0	Hiện trạng

Nguồn: Bản vẽ quy hoạch điều chỉnh mặt bằng 1/500

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất của cơ sở:

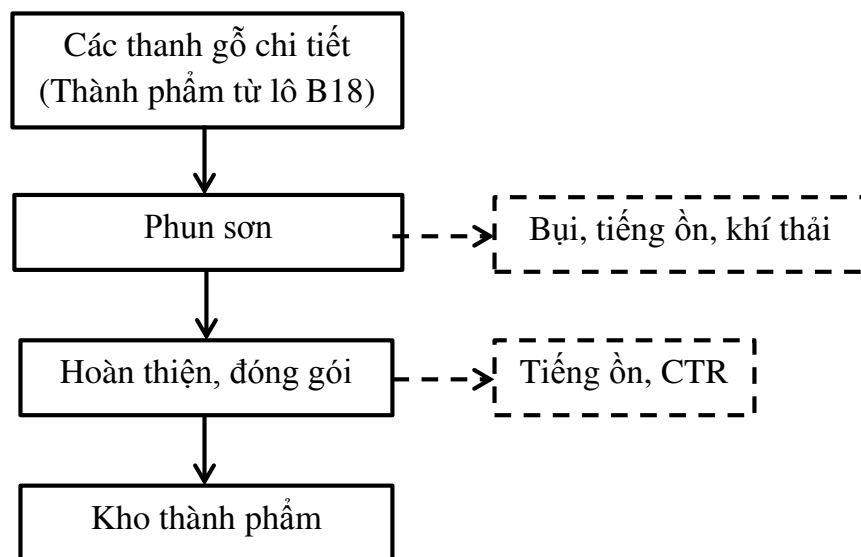
- Quy mô công suất: Gỗ tròn 6.000 m³ gỗ/năm

1.3.2. Công nghệ sản xuất của Nhà máy

- Trong sản xuất chế biến gỗ thì quy trình sản xuất luôn là điều quan trọng quyết định đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Để cho ra những sản phẩm tốt dự án đã nghiên cứu và đưa ra quy trình chuẩn để đầu tư, nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm từ gỗ. Tuy nhiên Nhà máy tại Lô B27 không thực hiện hết quy trình sản xuất mà chỉ thực hiện từ công đoạn lắp ráp sản phẩm đến cuối quy trình. Sơ đồ công nghệ của nhà máy được thể hiện như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gỗ

➤ **Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:**

- Các thanh gỗ chi tiết sau khi được hoàn thiện tại lô B18 của cùng Chủ cơ sở sẽ được nhập về kho lô B27 để thực hiện các công đoạn tiếp theo.
- Công đoạn phun sơn, phun bóng: Chủ cơ sở sử dụng công nghệ phun sơn bằng hệ thống dây chuyền treo để tạo màu cũng như tạo độ bóng, bảo vệ bề mặt cho sản phẩm. Sản phẩm hoàn thành sẽ được KCS kiểm tra chất lượng sản phẩm và số lượng rồi mới nhập kho hoặc xuất thành phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng. Các sản phẩm chưa đạt chất lượng sẽ được sửa chữa, tái chế hoặc loại bỏ.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Các sản phẩm đồ gỗ nội, ngoại thất xuất khẩu trực tiếp sang các nước Singapo, Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Bắc Mỹ ... và tiêu thụ nội địa.

1.3.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất

Bảng 1. 3. Danh mục máy móc, thiết bị của nhà máy

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
1	Máy nhám chổi	1	Trung Quốc	70%
2	Máy cưa lọng	1	Việt Nam	70%
3	Máy khoan ngòi	2	Việt Nam	70%
4	Máy cắt cân chân bàn ghế	2	Việt Nam	70%
5	Máy nén khí	2	Trung Quốc	80%

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPĐD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 11

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
6	Bình chứa khí nén	1	Trung Quốc	70%
7	Bồn phun sơn	4	Việt Nam	80%
8	Dây chuyền sơn treo	2	Việt Nam	80%
9	Băng chuyền nguội hoàn thiện	2	Việt Nam	80%
10	Băng chuyền đóng gói	2	Việt Nam	70%
11	Máy nổ PCCC	1	Fusheng	70%
12	Xe ô tô Toyota	4	Nhật Bản	70%
13	Xe tải	2	Nhật Bản	70%
14	Xe nâng Komatsu	1	Nhật Bản	80%
15	Xe đưa đón công nhân	4	Trung Quốc	60%

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất

a. Nguyên liệu gỗ sản xuất:

Nguồn nguyên liệu chính để đáp ứng cho hoạt động sản xuất của Nhà máy là sản phẩm gỗ đã được sơ chế hoặc tinh chế tại Lô B18 của cùng Công ty TNHH Hoàng Hưng.

b. Nguyên phụ liệu cho sản xuất gỗ

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tại nhà máy

STT	Nguyên liệu	Đơn vị/năm	Số lượng
1	Ốc vít + bulon	Tấn	5
2	Bao bì	Tấn	45
3	Giấy nhám	Tấn	1,5

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

- Nguồn cung cấp: nhập từ các xưởng sản xuất trong nước ở khu vực Quy Nhơn, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

c. Nhiên liệu sử dụng cho công đoạn phun sơn:

- Công ty lắp đặt dây chuyền phun sơn trong khâu hoàn thiện sản phẩm nhằm tạo cho sản phẩm bền và đẹp hơn. Với định mức hóa chất, dung môi sử dụng cho công đoạn phun sơn tại nhà máy là 36.860 lít/năm.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp: Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của Nhà máy được lấy từ hệ thống cấp điện 22KV của KCN thông qua Trạm biến áp nằm phía Tây Bắc giáp đường số 19 của Khu công nghiệp.

- Mục đích sử dụng: Chiếu sáng, chạy máy bơm nước, vận hành máy móc thiết bị sản xuất và hoạt động của văn phòng.

- Điện năng sử dụng tại Công ty theo thực tế trung bình khoảng 6.099,7 KWh/tháng trong 6 tháng đầu năm 2024 (từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024), tương ứng khoảng 200,4 KWh/ngày (*Hóa đơn điện đính kèm phụ lục*). Điện năng thực tế sử dụng được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 5 Nhu cầu sử dụng điện trong 6 tháng đầu năm 2024

STT	Tháng	KWh/tháng	KWh/ngày
1	01/2024	7.338,5	236,7
2	02/2024	4.379,5	151,0
3	03/2024	8.094	261,1
4	04/2024	7.387,5	246,3
5	05/2024	5.506	177,6
6	06/2024	3.892,5	129,8
Trung bình		6.099,7	200,4

Nguồn: Hóa đơn tiền điện tháng 01/2024 đến tháng 06/2024

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp: Nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy chủ yếu là cho mục đích sinh hoạt của công nhân, nước tưới cây xanh, cấp nước cho PCCC. Hiện tại, nhà máy đang sử dụng nguồn nước cấp tại Khu công nghiệp do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp để phục vụ nhu cầu sử dụng nước của cơ sở. Đầu nối nước cấp tại điểm C nằm ở phía Tây Bắc của Nhà máy (*Bản vẽ mặt bằng cấp nước đính kèm phụ lục*).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Nhu cầu sử dụng nước: lượng nước sử dụng cho nhu cầu của Nhà máy được sử dụng cho sinh hoạt và tưới cây xanh trung bình khoảng 140 m³/tháng (Theo hóa đơn tiền nước từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024).

❖ **Nước cấp cho mục đích sinh hoạt:**

Với số lượng CBCNV hiện tại của nhà máy là 80 người. Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 – Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình, tiêu chuẩn thiết kế của Bộ xây dựng thì tiêu chuẩn cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt là 45 lít/người/ca. Lượng nước cấp cho sinh hoạt của CBCNV của nhà máy là:

$$Q_{\text{sinh hoạt}} = 80 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ca} = 3.600 \text{ lít/ngày} = \mathbf{3,6 \text{ m}^3/\text{ngày}}$$

❖ **Nước sử dụng tưới cây, rửa đường**

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 thì lượng nước dùng cho mục đích tưới cây có thể được ước tính như sau:

$$Q_{\text{tưới}} = 1.751 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2 = 5.253 \text{ lít/ngày} \approx \mathbf{5,2 \text{ m}^3/\text{ngày}}$$

- Tuy nhiên, thực tế lượng nước phục vụ cho tưới cây không cao như tính toán, ước tính hằng ngày công tác tưới tiêu, chăm sóc cây trồng trong khuôn viên Nhà máy khoảng 3,0m³/ngày.

❖ **Nước cấp cho PCCC**

- Nước dự phòng cho PCCC được chứa tại bể chứa có diện tích 32m² (lượng nước chứa trong bể chỉ sử dụng trong trường hợp nhà máy cháy) vị trí của bể chứa nước PCCC nằm ở phía Tây của nhà máy.

- Như vậy, tổng lượng nước cấp cho nhà máy khi hoạt động ổn định (không tính nước cấp cho hoạt động PCCC) là:

Bảng 1. 6. Tổng hợp nhu cầu dùng nước

STT	Nhu cầu cấp nước	Lưu lượng
1	Nước cấp sinh hoạt	3,6 m ³ /ngày
2	Nước tưới cây, rửa đường	3,0 m ³ /ngày

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

1.4.4. Nhu cầu hóa chất

Bảng 1. 7. Nhu cầu hóa chất sử dụng

STT	Nguyên liệu	Đơn vị/năm	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Xăng, Dầu DO	Lít	19.560	Cấp nhiên liệu cho máy nổ

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPĐD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 14

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Nguyên liệu	Đơn vị/năm	Số lượng	Mục đích sử dụng
				PCCC, xe tải, xe đưa đón công nhân, xe nâng
2	Hóa chất, Dung môi	Lít	36.860	Sơn sản phẩm

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Hiện trạng hạ tầng KCN

- Thoát nước mưa, nước thải: tại khu vực Nhà máy, chủ đầu tư KCN Phú Tài đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải dọc theo tuyến đường trục và các tuyến đường nội bộ của KCN, để phục vụ cho việc lưu thoát nước mưa, nước thải của các cơ sở, nước thải được thu gom đầu nối đưa về hệ thống xử lý nước thải 2.000 m³/ngày.đêm đã được Chủ đầu tư KCN Phú Tài đầu tư xây dựng để xử lý nước thải phát sinh của các Nhà máy trong KCN Phú Tài, Long Mỹ theo đúng quy định. Hệ thống XLNT đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động với các chỉ tiêu giám sát cơ bản là lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, BOD, pH, TSS, amoni theo quy định.

- Giao thông: giao thông nội bộ trong KCN hiện đã được Chủ đầu tư hạ tầng KCN xây dựng hoàn thiện đáp ứng nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào KCN.

- Cấp điện: Hệ thống cấp điện trong KCN đã lắp đặt hoàn thiện và đảm bảo cung cấp nguồn điện phục vụ cho các dự án thứ cấp trong KCN.

- Cấp nước: Khu vực dự án đã có đường ống cấp nước sạch do Công ty CP cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp nước sạch cho các nhà máy.

- Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn: Hiện nay, trên địa bàn KCN đã có công ty Cổ phần Môi trường Bình Định tiến hành thu gom xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các doanh nghiệp; Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh thu gom, xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại.

1.5.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5.3. Nhu cầu về lao động

Hiện tại nhà máy đang hoạt động và sử dụng 100% nguồn nhân lực trong nước. Tổng số cán bộ công nhân viên cần thiết để vận hành nhà máy là 80 người. Nhà máy ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương.

1.5.4. Tiêu thụ sản phẩm

Thị trường tiêu thụ là các nước thuộc khối EU (Na Uy, Đan Mạch, Pháp, Bỉ, Đức, Hà Lan...), Mỹ và Bắc Mỹ, các nước trong khu vực Đông-Nam Châu Á (Đài Loan, Nhật Bản, Singapo, Indonesia, Malaysia,...) và tiêu thụ nội địa.

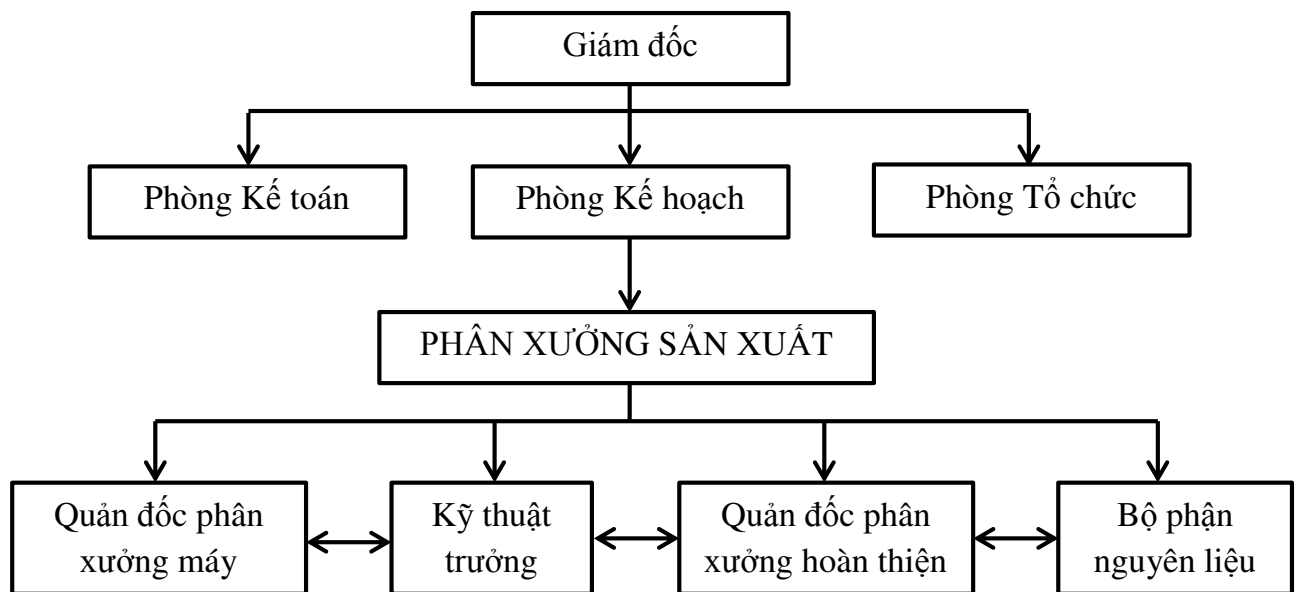
1.5.5. Cây xanh

Khu vực nhà máy đã trồng dải cây xanh cách ly theo quy định với diện tích 1.751m², tạo không gian xanh cho khu vực cũng như là giảm thiểu lượng bụi phát tán ra ngoài môi trường.



Hình 1. 3. Dải cây xanh tại khu vực nhà máy

1.5.6. Tổ chức quản lý và thực hiện của Nhà máy



Hình 1. 4. Sơ đồ tổ chức quản lý của cơ sở

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

- “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng được Ban Quản lý khu Kinh tế thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp quyết định phê duyệt quy hoạch điều chỉnh mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 số 342/QĐ-BQL ngày 11/03/2010.

- “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 160052 ngày 24/09/2012.

- Cơ sở “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2101/STN&MT ngày 05/08/2005.

- Bên cạnh đó Nhà máy nằm trong KCN Phú Tài nên không có dân cư sinh sống, khu vực có nguồn lao động trẻ dồi dào, do đó Nhà máy sẽ tạo việc làm cho lao động và cải thiện đời sống sinh hoạt của người dân. Điều này cho thấy địa điểm đầu tư Nhà máy hoàn toàn phù hợp với đặc điểm môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Nhà máy được thực hiện tại Lô B27 của KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. KCN Phú Tài đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống cấp điện, cấp nước và xử lý nước thải nên toàn bộ lượng nước thải của nhà máy được thu gom và xử lý theo quy định.

- Khu công nghiệp Phú Tài hiện đã được cấp GPMT. Chủ đầu tư KCN Phú Tài đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải 2.000m³/ngày.đêm đảm bảo khả năng tiếp nhận toàn bộ lượng nước thải phát sinh của cơ sở.

- Mặt hàng của nhà máy sản xuất là gỗ nên có tính kỵ nước nên không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải sinh hoạt của nhà máy được xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát thải chung của KCN Phú Tài (*Hợp đồng đầu nối đính kèm phụ lục*).

- Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ nhà máy cũng đã được công ty hợp đồng với công ty Cổ phần Môi trường Bình Định tiến hành thu gom xử lý theo quy định (*Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục*).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh với tần suất là 6 tháng/lần (*Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đính kèm phụ lục*).

→ Từ những lý do nêu trên cho thấy các thành phần có nguy cơ gây ô nhiễm phát sinh tại Nhà máy đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường nên dự án được triển khai ở khu vực này hoàn toàn đáp ứng khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP

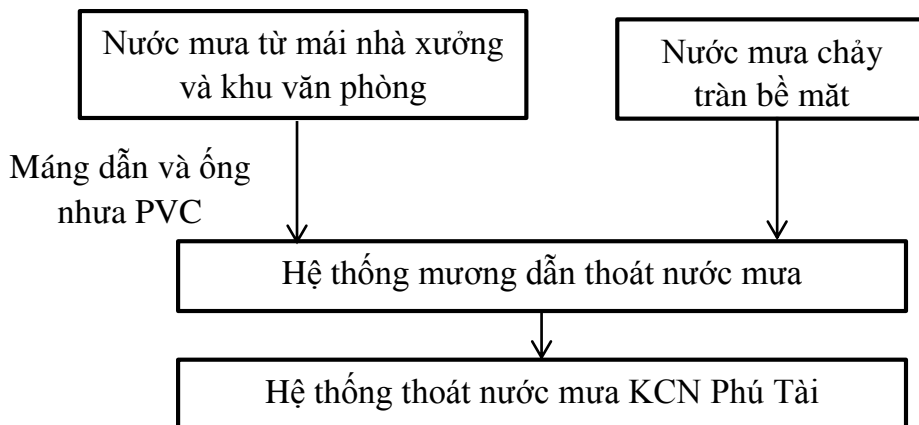
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng riêng biệt với nước thải. Hệ thống thu đón nước mưa nội bộ của nhà máy được xây dựng theo hướng dốc tự chảy theo độ dốc của mặt bằng hiện có. Kết cấu mương bằng đá chẻ 400x600, nắp đan bằng bê tông cốt thép dày 50, các đoạn qua đường đan dày 100 và đấu nối về hệ thống thoát nước chung của KCN Phú Tài tại điểm M phía Bắc của nhà máy (Theo bản vẽ mặt bằng thoát nước tỉ lệ 1/500 đính kèm phần phụ lục).

- Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy được thể hiện theo sơ đồ sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy

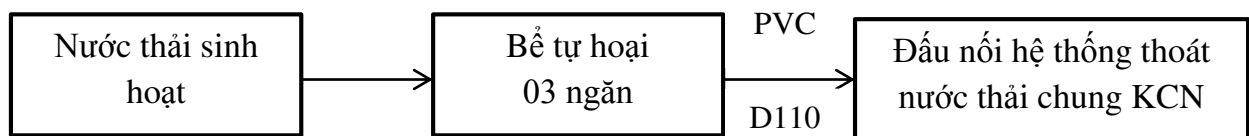


Hình 3. 2. Đường ống và mương thoát nước mưa của nhà xưởng

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm dưới nhà vệ sinh, sau đó theo đường ống nhựa PVC D110 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Phú Tài tại điểm T phía Đông Bắc mặt bằng nhà máy (Theo bản vẽ mặt bằng thoát nước đính kèm phần phụ lục).

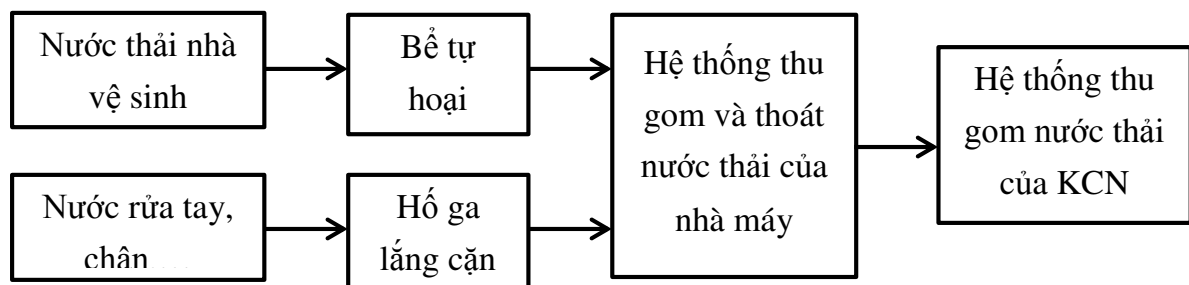


Hình 3. 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải của nhà máy

b. Nước thải sản xuất:

- Gỗ là mặt hàng có tính kỵ nước trong quá trình sản xuất, trong từng công đoạn thực hiện toàn bộ bằng phương pháp khô nên không phát sinh nước thải từ công đoạn sản xuất.

➤ Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của nhà máy

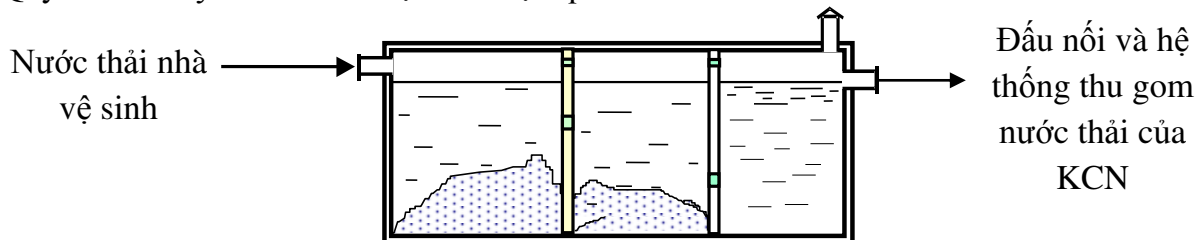
- Toàn bộ lượng nước thải của nhà máy thu gom dẫn về hệ thống thu gom và thoát nước thải chung của nhà máy, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài tại điểm T nằm phía Đông Bắc của nhà máy (Theo Bản vẽ mặt bằng thoát nước đính kèm phụ lục).

3.1.3. Xử lý nước thải

❖ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (bể tự hoại)

Công ty xây dựng công trình bể tự hoại tại khu vực Nhà văn phòng và nhà vệ sinh công nhân.

- Quy trình vận hành công trình thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của dự án như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Bể tự hoại 03 ngăn xây ngầm bằng bê tông, chống thấm. Quy trình xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại

- Bể tự hoại 03 ngăn thông dụng được dùng để xử lý cục bộ nước thải từ khu nhà vệ sinh có kết cấu như sau:

- + Ngăn thứ nhất: ngăn tự hoại;
- + Ngăn thứ hai: ngăn lắng;
- + Ngăn thứ ba: ngăn lọc.

- Bể có ống thông hơi ra bên ngoài, có hộp bảo vệ và có nắp để hút cặn. Nắp bể được làm bằng đan bê tông cốt thép; được xây dựng bằng bê tông chống thấm. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy.

- Hiện tại lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh không lớn, KCN Phú Tài đã có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, do đó toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại nhà máy đều được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài.

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ đạt cấp độ đầu nối nước thải là 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐT XD ngày 13/04/2012 của công ty CP ĐT&XD Bình Định (Theo Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải giữa công ty TNHH Hoàng Hưng và Công ty CP ĐT&XD Bình Định số 29/2020/HĐ -XLNT).

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm

Để hạn chế tối đa lượng bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm, thời gian qua Công ty đã và sẽ duy trì thực hiện các biện pháp sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Bố trí khu vực đỗ xe gần cổng ra vào, các xe chạy trong khuôn viên Nhà máy phải giảm tốc độ.
- Xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm phải tắt máy trong thời gian bốc xếp.
- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết củ nhiên liệu, kho chứa và khu vực đỗ xe để hạn chế đối đa bụi phát tán từ mặt đất.
- Xây dựng chế độ vận hành của xe vận chuyển và điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe.
- Che chắn, phủ bạt kín nguyên nhiên liệu, sản phẩm trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm sau 22h.
- Không sử dụng phương tiện vận chuyển quá cũ để vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Bảo trì thường xuyên để giảm thiểu khí thải do các phương tiện này thải ra.
- Không sử dụng các nhiên liệu độc hại.
- Kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.
- Nhân viên lái xe có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp với loại xe đang vận chuyển, nắm vững và lái xe đúng luật an toàn giao thông đường bộ, hạn chế tối đa các tai nạn có thể xảy ra khi vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm.

3.2.2. Đối với bụi từ hoạt động sản xuất

❖ Công trình thu gom khí thải từ quá trình phun sơn:

- Để giảm lượng khí phát sinh từ khâu phun sơn hoặc nhúng dầu cho sản phẩm thì nhà máy đã tiến hành xây dựng khu vực này cách xa khu vực sản xuất khác. Khu vực các buồng phun sơn có lắp đặt hệ thống thu hồi sơn, đảm bảo nồng độ dung môi rất nhỏ so với tiêu chuẩn cho phép khí thải, phát tán ra môi trường. Hệ thống này nhằm thu hồi lượng sơn dư thừa nhằm hạn chế phát tán ra môi trường. Hàng tháng, nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh và thu gom lượng sơn dư thừa, chất cặn sẽ được thu gom và đưa vào kho chứa CTNH.

Bảng 3. 1. Thông số của hệ thống xử lý hơi dung môi, bụi sơn

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
1	Tháp xử lý bụi sơn 1	Kích thước: DxRxC= 9m x 0,7m x 3,06m Khung thép hộp: 25 x 50 Vách chắn: inox 201	2
2	Tháp xử lý bụi sơn 2	Kích thước:	3

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 23

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
		DxRxC= 7,0m x 0,7m x 3,06m Vách chắn: inox 201	
3	Quạt hút	Loại quạt hướng trục D680 chạy gián tiếp Công suất điện: 4,0kW (5,5HP). Lưu lượng: 5.500m ³ /giờ	17
4	Ống thoát khí	Ống thoát đường kính D600, cao 6,5m Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 1m Phía trên có nón che mưa (tole tráng kẽm dày 1,0mm).	17

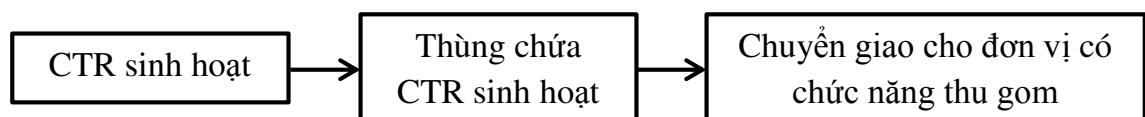
Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Rác thải sinh hoạt phát sinh trong nhà máy từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, thành phần như: thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì nhựa,...

- Khối lượng phát sinh: Theo thống kê tình hình phát sinh chất thải tại nhà máy thì lượng chất thải phát sinh tại nhà máy phát sinh không lớn, khoảng 4 m³/tháng (*Theo phiếu điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tình hình phát sinh, thu gom, quản lý và xử lý chất thải tại các cơ sở trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN ngày 12/04/2024*).



Hình 3. 6. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt

- Biện pháp xử lý:

+ Công ty đã trang bị các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại các vị trí dễ nhìn thấy trong khu vực nhà máy, nhà ăn, khu vực sinh hoạt của công nhân để thu gom chất thải sinh hoạt của công nhân. Toàn bộ lượng rác thải này được thu gom cho vào thùng chứa chuyên dụng, định kỳ tập kết tại vị trí phía trước nhà máy để đơn vị chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

+ Nhà máy đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định để thu gom và vận chuyển chất thải thông thường để thu gom 02 lần/tuần và vận chuyển đi xử lý theo quy định (*Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục*).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 3. 7. Thùng chứa chất thải sinh hoạt

3.3.1. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm các loại sản phẩm hỏng bị thu hồi, bụi gỗ phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy với khối lượng đáng kể. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được nhà máy tận dụng để đốt lò sấy cấp nhiệt cho hệ thống sấy, không thải bỏ loại chất thải này ra ngoài môi trường.

- Giấy carton, bao bì nguyên, phụ liệu không chứa thành phần nguy hại phát sinh sẽ thu gom lưu chứa tại khu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường. Khi số lượng đủ lớn sẽ bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

Bảng 3. 2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTR công nghiệp thông thường

STT	Thành phần chất thải	Số lượng	Biện pháp xử lý
1	Mùn cưa, đầu mẩu, gỗ thừa, bụi gỗ,...	1,0 tấn/tháng	Nhà máy sử dụng để làm nhiên liệu đốt lò sấy của lô B18.
2	Bao bì carton, bao bì nhựa thải bỏ	5 kg/tháng	Doanh nghiệp bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua.

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Trong quá trình hoạt động sản xuất các thành phần nguy hại của nhà máy phát sinh như: bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt từ sửa chữa máy móc, cặn sơn thải từ hệ thống buồng phun sơn ... Thành phần và khối lượng phát sinh cụ thể như sau:

Bảng 3. 3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động

STT	Tên CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
I	Chất thải nguy hại			
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	02	16 01 06
2	Cặn sơn thải	Rắn	25	16 01 09
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			
1	Bao bì mềm bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	07	18 01 01
2	Bao bì cứng bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	21	18 01 02
3	Bao bì cứng bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	16	18 01 03
4	Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu	Rắn	38	18 02 01
Tổng			109	

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

- Công ty tiến hành phân loại, thu gom để vào kho chứa CTNH ở phía Đông Nam của nhà máy có diện tích 15m², có dán mã số CTNH theo quy định. Đối với chất thải nguy hại nhà máy đã tiến hành việc thu gom, lưu trữ, xử lý theo đúng quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường. Nhà máy đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom là Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



Hình 3. 8. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPĐD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 27

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ cơ sở sẽ duy trì áp dụng một số biện pháp sau để tránh sự cộng hưởng tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Không vận hành máy vượt quá công suất thiết kế.
- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào Nhà máy hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu.
- Công nhân vận hành trực tiếp được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao sẽ được bố trí thay ca phù hợp, không làm việc lâu tại một vị trí để giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết của máy móc thiết bị và định kỳ bảo dưỡng bôi trơn, nhất là các ổ trục, ổ bi của thiết bị.
- Chân đế máy được lắp cố định và chắc chắn vào sàn. Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ An toàn phòng chống cháy nổ

Để phòng ngừa cháy nổ, Nhà máy sẽ duy trì áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện như cầu giao, cầu chì, ổ cắm, quạt, ...
- Tập huấn cho công nhân, quản lý kho, tổ kỹ thuật và phân công trách nhiệm cho các cá nhân hoặc phòng ban chịu trách nhiệm về công tác quản lý PCCC để thường xuyên kiểm tra, theo dõi, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Bố trí các bình chữa cháy cầm tay ở khu vực sản xuất, khu văn phòng, nhà chứa chất thải rắn.
- Luôn có người túc trực và tuần tra tại các phân xưởng.
- Hệ thống PCCC và việc bố trí các thiết bị PCCC phải tuân thủ theo đúng quy định về PCCC của nhà nước.
- Nghiêm cấm công nhân hút thuốc, mang bật lửa trong phân xưởng, nhà kho, các khu vực dễ phát sinh cháy.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đối với các kho chứa hàng hóa (sản phẩm, vật tư, nguyên liệu): Tổ chức thông gió tốt cho các kho, đảm bảo khô ráo, nguyên liệu, sản phẩm trong kho được sắp xếp hợp lý, có lối đi đủ rộng và thông thoáng nhau để dễ ứng cứu khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Đối với các thiết bị điện: Đặt thiết bị bảo vệ như aptomat cho đường dây điện chính, cho từng đường dây điện phụ, cho từng thiết bị có công suất lớn. Tiết diện dây dẫn được chọn sao cho đủ khả năng tải dòng điện đến các thiết bị, dụng cụ điện mà nó cung cấp và không sử dụng phụ tải quá mức;

- Giữ liên lạc với các cơ quan chức năng như cơ quan PCCC, công an 113...để yêu cầu hỗ trợ ngay khi xảy ra các sự cố nằm ngoài khả năng kiểm soát.

❖ Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

- Tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và kiến thức về an toàn lao động.
- Trong quá trình vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu vào kho: yêu cầu công nhân phải sử dụng thành thạo các thiết bị nâng, chuyên chở phù hợp, không vượt quá tải trọng.

- Phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công nhân Nhà máy về các quy tắc an toàn trong sản xuất công nghiệp và khi tham gia giao thông.

- Thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn lao động để kịp thời khắc phục và ngăn chặn sự cố có thể xảy ra.

- Tuân thủ quy trình hoạt động của các máy móc, thiết bị tại Nhà máy.

- Trang bị tủ thuốc sơ cấp cứu sẵn sàng ứng phó nếu có sự cố xảy ra;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, quần áo, giày bảo hộ.

- Hằng năm tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, công nhân.

❖ Sự cố mất an ninh trật tự

- Xây dựng tường rào, cổng ngõ bao quanh và có người bảo vệ để tránh người dân tự ý ra vào.

- Quản lý công nhân chặt chẽ, cấm các tệ nạn xã hội trong quá trình làm việc. Nhắc nhở, giáo dục công nhân quan hệ tốt, có thái độ hòa nhã với công nhân ở các nhà máy lân cận và người dân ở địa phương để không xảy ra xung đột.

- Kết hợp với chính quyền địa phương làm tốt công tác dân vận.

- Duy trì lối sống lành mạnh, các tập tục văn hóa truyền thống của cư dân địa phương

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Thường xuyên thu thập thông tin, tâm tư nguyện vọng của người dân trong khu vực nếu bị ảnh hưởng bởi quá trình hoạt động, để khắc phục kịp thời đảm bảo đời sống cho người dân.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

❖ Mùi hôi từ khu vực tập trung rác thải sinh hoạt và khu vệ sinh

- Bố trí khu vực thu gom rác hợp lý có nắp đậy. Khi có đơn vị chức năng đến vận chuyển đem xử lý thì phải được thu gom toàn bộ và tập kết về đúng vị trí và thời gian. Không lưu chứa rác thải (đặc biệt chất thải sinh hoạt) thời gian lâu làm phát sinh mùi.

- Các thùng chứa chất thải rắn chờ thu gom có trang bị nắp đậy kín và thường xuyên được vệ sinh sạch;

- Thường xuyên dọn dẹp các khu nhà vệ sinh sạch mỗi ngày, hạn chế việc phát sinh mùi.

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Trang bị các thùng chứa CTR có nắp đậy kín và thường xuyên được vệ sinh. Tránh tình trạng CTR lưu chứa quá lâu gây phát sinh mùi.

- Duy trì hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom CTR, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Thường xuyên nạo vét các hố ga, bể lắng cát, tách rác.

3.8. Các nội dung thay đổi so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

- Các thay đổi với công trình bảo vệ môi trường so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2005 như sau:

Bảng 3. 4. Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2005	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện	Mục đích điều chỉnh
1	Địa điểm nhà máy	Lô A14, KCN Phú Tài	Lô B27, KCN Phú Tài	Thay đổi theo quy hoạch phân lô của KCN Phú Tài
2	Quy mô dự án	12.000m ³ gỗ quy	6.000m ³ gỗ	Thay đổi phù hợp

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPDD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 30

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2005	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện	Mục đích điều chỉnh
		tròn/năm	quy tròn/năm	với thực tế dự án và chủ trương đầu tư của dự án
3	Tổng diện tích	13.250m ²	17.246,25m ²	Phù hợp với nhu cầu sản xuất và Quy hoạch điều chỉnh tỷ lệ 1/500 của nhà máy.
4	Vốn đầu tư của dự án	9.735.000.000	20.000.000.000 đồng	Phù hợp với nhu cầu sản xuất và chủ trương đầu tư dự án.
5	Nhu cầu lao động	300 lao động	80 lao động	Phù hợp với điều kiện sản xuất
6	Hệ thống xử lý bụi sơn	Hệ thống xử lý bụi sơn kiểu màng nước	Hệ thống xử lý bụi sơn kiểu khô	Phù hợp với điều kiện sản xuất
7	Nước thải sản xuất	- Phát sinh từ hệ thống xử lý bụi sơn. - Phát sinh từ công đoạn luộc gỗ, khoảng 20m ³ /tháng.	Không phát sinh nước thải sản xuất	Không còn sử dụng công đoạn luộc gỗ và tháp phun sương màng nước (sử dụng tháp phun sơn khô) trong dây chuyền sản xuất nên không phát sinh nước thải.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải

4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy được xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, không xả thải ra môi trường;

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

(1). Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm dưới nhà vệ sinh, sau đó tự chảy theo đường ống PVC D114mm dẫn về bể gom nước thải, đầu nối vào hố ga của Khu công nghiệp tại điểm T vị trí phía Đông Bắc mặt bằng (*Bản vẽ quy hoạch thoát nước thải sinh hoạt đính kèm phụ lục*) để đưa về hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp.

- Tọa độ hố ga đầu nối nước thải: X(m)=1.524.418, Y(m)=596.383 (*Theo hệ tọa độ VN-2000, KKT 108°15’; múi chiếu 3°*). Chất lượng nước thải trước khi đầu nối đảm bảo đạt cấp độ 1,5C theo Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định.

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Phú Tài 1,5C (QĐ 404/QĐ-ĐTXD)
1	pH	-	5-9
2	TSS	mg/L	300
3	COD	mg/L	600
4	BOD ₅	mg/L	150
5	Tổng N	mg/L	90
6	Tổng P	mg/L	12

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Phú Tài 1,5C (QĐ 404/QĐ-ĐTXD)
7	Coliform	MPN/100ml	-

(2). Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh công nhân → 03 Bể tự hoại (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn rút) → Bể thu gom → Hồ ga của Khu công nghiệp → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

(3). Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hệ thống đường ống, mương dẫn nước thải để đảm bảo hiệu quả thu gom và đầu nối triệt để nước thải.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh mương dẫn nước thải; hút bùn, cặn tại bể tự hoại để đảm bảo dung tích lưu chứa nước thải và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải trước khi đầu nối.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom, lưu chứa nước thải tại nhà máy đảm bảo đường ống dẫn và công trình lưu chứa nước thải luôn luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Thực hiện việc thu gom, xử lý sơ bộ và ký hợp đồng đầu nối, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại dự án với Công ty CP đầu tư & xây dựng Bình Định;

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

4.2.1. Nội dung cấp phép khí thải

a. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải (bụi, mùi) phát sinh từ công đoạn phun sơn.

b. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

(1). Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 01: Miệng ống thoát hơi số 1 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi

phun sơn số 1, tọa độ: X = 1524298; Y = 596292.

- Dòng số 02: Miệng ống thoát hơi số 2 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 1, tọa độ: X = 1524298; Y = 596294.

- Dòng số 03: Miệng ống thoát hơi số 3 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 1, tọa độ: X = 1524298; Y = 596296.

- Dòng số 04: Miệng ống thoát hơi số 4 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 1, tọa độ: X = 1524298; Y = 596298.

- Dòng số 05: Miệng ống thoát hơi số 1 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 2, tọa độ: X = 1524298; Y = 596302.

- Dòng số 06: Miệng ống thoát hơi số 2 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 2, tọa độ: X = 1524298; Y = 596305.

- Dòng số 07: Miệng ống thoát hơi số 3 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 2, tọa độ: X = 1524298; Y = 596307.

- Dòng số 08: Miệng ống thoát hơi số 4 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 2, tọa độ: X = 1524298; Y = 596309.

- Dòng số 09: Miệng ống thoát hơi số 1 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 3, tọa độ X = 1524298.; Y = 596318.

- Dòng số 10: Miệng ống thoát hơi số 2 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 3, tọa độ X = 1524299; Y = 596320.

- Dòng số 11: Miệng ống thoát hơi số 3 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn số 3, tọa độ X = 1524299; Y = 596321

- Dòng số 12: Miệng ống thoát hơi số 1 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn dự phòng số 4, tọa độ X = 1524303; Y = 596325.

- Dòng số 13: Miệng ống thoát hơi số 2 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn dự phòng số 4, tọa độ X = 1524305; Y = 596325.

- Dòng số 14: Miệng ống thoát hơi số 3 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn dự phòng số 4, tọa độ X = 1524307; Y = 596325.

- Dòng số 15: Miệng ống thoát hơi số 1 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn dự phòng số 5, tọa độ X = 1524310; Y = 596325.

- Dòng số 16: Miệng ống thoát hơi số 2 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi phun sơn dự phòng số 5, tọa độ X = 1524311; Y = 596325.

- Dòng số 17: Miệng ống thoát hơi số 3 của hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

phun sơn dự phòng số 5, tọa độ X = 1524313.; Y = 596324.

(2). Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 93.500 m³/giờ

- + Dòng số 01: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 02: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 03: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 04: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 05: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 06: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 07: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 08: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 09: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 10: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 11: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 12: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 13: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 14: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 15: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 16: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;
- + Dòng số 17: Lưu lượng là 5.500 m³/giờ;

(3). Phương thức xả thải:

- Dòng số 01 đến 17: xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất của cơ sở là 08 giờ/ngày.

(4). Chất lượng bụi, khí thải trước khi thải ra môi trường:

- Dòng số 01-17: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt cột B theo QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, K_p=0,9; K_v=1 và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01 – 06

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K _p =0,9; K _v =1)	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	-	06 tháng/lần	Không
2	Toluen	mg/Nm ³	-	750	01 năm/lần	
3	Xylen	mg/Nm ³	-	870		

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

- Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- $K_p = 0,9$, do tổng lưu lượng nguồn thải $P=93.500 \text{ m}^3/\text{h}$ ($20.000 \leq P \leq 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$).

- $K_v = 1$: Nhà máy nằm trong khu công nghiệp.

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

(1). Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý

- Nguồn số 01: Được thu gom vào 17 hệ thống xử lý khí thải bằng 06 quạt hút có công suất 5,5HP/quạt.

(2). Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và hơi dung môi phát sinh tại khu vực phun sơn → 05 hệ thống hấp thụ → 17 ống thoát khí sạch ra môi trường.

- + Tổng công suất thiết kế: 93.500m³/giờ.
- + Hóa chất sử dụng: không
- + Vật liệu sử dụng: dùng nước làm tác nhân hấp thụ.

c. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến bụi, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

4.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo không để bụi, khí thải phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi dự án. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; Đảm bảo ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

- Thực hiện đầy đủ nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải (như: thời gian thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, thời gian lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm gửi Ban quản lý khu kinh tế, sổ nhật ký vận hành thử nghiệm,...)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Trong quá trình hoạt động dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Công ty phải tạm dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để tập trung xác định nguyên nhân và sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Không có

4.4. Yêu cầu quản lý chất thải

4.4.1. Quản lý chất thải

a. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh

(1). Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

Bảng 4. 2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát trong Nhà máy

STT	Tên CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
I	Chất thải nguy hại			
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	02	16 01 06
2	Cặn sơn thải	Rắn	25	16 01 09
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			
1	Bao bì mềm bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	07	18 01 01
2	Bao bì cứng bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	21	18 01 02
3	Bao bì cứng bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	16	18 01 03
4	Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu	Rắn	38	18 02 01
Tổng			109	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

(2). Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Thành phần chất thải	Số lượng	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Mùn cưa, đầu mẩu, gỗ thừa, bụi gỗ,...	1,0 tấn/tháng	09 01 03	TT-R
2	Bao bì carton, bao bì nhựa thải bỏ	5 kg/tháng	18 01 05 18 01 06	TT-R

(3). Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng chất thải phát sinh: khoảng 04m³/tháng.
- Chủng loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại cơ sở.

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

(1). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị, khu vực lưu chứa:
 - + Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng phuy sắt loại 200L, 100L tại kho chứa CTNH để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.
 - + Khu vực lưu chứa: kho chứa CTNH ở phía Đông Nam của nhà máy có diện tích 15m². Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chứa để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa),... theo quy định.

(2). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.
- Khu vực lưu chứa:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Chất thải rắn sản xuất bao gồm các loại sản phẩm hỏng, bụi gỗ phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy với khối lượng đáng kể. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được nhà máy tận dụng để đốt lò sấy cấp nhiệt cho hệ thống sấy của lô B18 cùng công ty, không thải bỏ loại chất thải này ra ngoài môi trường.

+ Giấy carton, bao bì nguyên, phụ liệu không chứa thành phần nguy hại phát sinh sẽ thu gom bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

(3). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị, khu vực lưu chứa: Trang bị các thùng đựng rác dung tích 240L chuyên dụng có nắp đậy tại các khu vực dọc xưởng sản xuất, đường nội bộ, văn phòng làm việc để phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Khu vực để thiết bị lưu chứa: Các khu vực xưởng sản xuất và nhà bảo vệ.

4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Thực hiện quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Không có

5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải:

Không có

5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí:

Năm 2022 và năm 2023, nhà máy đã thực hiện quan trắc môi trường không khí định kỳ. Theo Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2022 và năm 2023 thì nhà máy đã thực hiện quan trắc như sau:

❖ Kết quả quan trắc môi trường không khí tại nhà máy

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần

- Thời gian thực hiện:

+ Đợt 1 năm 2022: thực hiện vào ngày 01/06/2022.

+ Đợt 2 năm 2022: thực hiện vào ngày 16/11/2022.

+ Đợt 1 năm 2023: Nhà máy ngừng hoạt động sản xuất

+ Đợt 2 năm 2023: thực hiện vào ngày 20/12/2023

- Số lượng mẫu: 01 mẫu

- Vị trí quan trắc: Tại khu vực nhúng tấm phun sơn của nhà máy. Tọa độ X(m) = 1524304; Y(m) = 596294 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108°15', múi chiều 3°).

- Chỉ tiêu phân tích: Bụi lơ lửng, Khí CO, SO₂, NO₂, Tiếng ồn.

Bảng 5. 1. Kết quả môi trường không khí năm 2022 và năm 2023

STT	Năm quan trắc	Mẫu số	Bụi	Khí CO	Khí SO ₂	Khí NO ₂	Tiếng ồn
			mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	dBA
1	2022	Mẫu 01	2,74	6,25	0,32	0,24	77
		Mẫu 02	2,94	5,36	0,28	0,22	75
2	2023	Mẫu 01	0	0	0	0	0
		Mẫu 02	2,35	5,48	0,29	0,18	74
QCVN 02:2019/BYT			≤ 6	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT			-	≤ 40	≤ 10	≤ 10	-
QCVN 24:2016/BYT			-	-	-	-	≤ 85

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Tín Mỹ

VPĐD: 22 Mai Hắc Đế, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563.749.590

Trang 41

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường năm 2022 và năm 2023

Ghi chú:

- “ – ”: Không phát hiện
- Mẫu 01 năm 2022: Mẫu lấy vào ngày 01/06/2022
- Mẫu 02 năm 2022: Mẫu lấy vào ngày 16/11/2022
- Mẫu 01 năm 2023: Không có số liệu vì Nhà máy ngưng hoạt động sản xuất
- Mẫu 02 năm 2023: Mẫu lấy vào ngày 20/12/2023
- QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 24: 2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Nhân xét: Theo kết quả quan trắc môi trường năm 2022 và năm 2023 thì tất cả các kết quả phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải của cơ sở

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	03 Hệ thống xử lý hơi dung môi phun sơn	15/11/2024	15/02/2025	100% công suất

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6. 2. Thông tin quá trình lấy mẫu

Giai đoạn	Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu phân tích	Tần suất	Lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu
Bụi, khí thải từ dây chuyền phun sơn					
Giai đoạn vận hành ổn định	- Vị trí lấy mẫu: Đầu ra ống thoát dòng số 01 (hoặc 02, hoặc 03, hoặc 4); dòng số 05 (hoặc 06, hoặc 07, hoặc 08); dòng số 09 (hoặc 10, hoặc 11); - Tọa độ vị trí lấy mẫu theo mục 4.2.1. - Chỉ tiêu phân tích: Bụi, Benzen, Xylen.	1 ngày/lần (03 ngày liên tiếp)	Lần 1	15/12/2024	Trung tâm QTMT tỉnh Bình Định hoặc đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
			Lần 2	16/12/2024	
			Lần 3	17/12/2024	

Ghi chú: Phương thức lấy mẫu gồm 01 mẫu đơn, trong 3 ngày liên tiếp và tiến hành gửi mẫu phân tích.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ

❖ Bụi, khí thải từ dây chuyền phun sơn

- 01 mẫu khí thải tại ống thoát số 01 (hoặc 02, hoặc 03, hoặc 04) của công trình xử lý hơi dung môi phun sơn 01.

- 01 mẫu khí thải tại ống thoát số 01 (hoặc 02, hoặc 03, hoặc 04) của công trình xử lý hơi dung môi phun sơn 02.

- 01 mẫu khí thải tại ống thoát số 01 (hoặc 02, hoặc 03) của công trình xử lý hơi dung môi phun sơn 03.

+ Thông số và tần suất giám sát:

STT	Thông số giám sát	Tần suất giám sát
1	Bụi	06 tháng/lần
2	Benzen	01 năm/lần
3	Xylen	

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2019/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không có

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường

Bảng 6. 3. Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Công việc	Thành tiền
1	Chi phí quan trắc chất lượng khí thải	30.000.000
2	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (1 lần/năm)	5.000.000
Tổng cộng		35.000.000

Ghi chú: Chi phí trên chỉ mang tính chất tương đối trong quá trình lập dự toán

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Thời gian hoạt động trong 2 năm qua đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Công ty TNHH Hoàng Hưng đã có Phiếu điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tình hình phát sinh, thu gom, quản lý và xử lý chất thải tại các cơ sở trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN vào ngày 12/04/2024 do Ban quản lý Khu kinh tế lập. Biên bản khảo sát hiện trường ngày 12/04/2024, Ban quản lý Khu kinh tế phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại mặt bằng dự án của Công ty TNHH Hoàng Hưng tại Lô B27; Lô B18 và Lô B2, KCN Phú Tài (*Phiếu điều tra và Biên bản khảo sát đính kèm phụ lục*).

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Hoàng Hưng cam kết về các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Chủ nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp khống chế, phòng chống sự cố và giảm thiểu các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án đã nêu cụ thể trong báo cáo, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về quản lý môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường dự án, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.
- Các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại của dự án tới môi trường đã được đưa ra trong báo cáo là những biện pháp khả thi, bảo đảm đạt Tiêu chuẩn và Quy chuẩn môi trường Việt Nam.
- Cam kết bồi thường và khắc phục các sự cố, rủi ro gây ô nhiễm môi trường xảy ra do hoạt động nhà máy.
- Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của nhà máy theo quy định của pháp luật.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

PHỤ LỤC

STT	Các văn bản
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100480974 đăng ký lần đầu ngày 17/02/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/09/2014 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.
2	Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 2101/STN-&MT ngày 05/8/2005 do Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp.
3	Văn bản số 1007/BQL-TNMT của Ban quản lý khu kinh tế Bình Định v/v chuyển đổi pháp nhân của Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ngày 06/7/2012.
4	Quyết định số 342/QĐ-BQL ngày 11/3/2010 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định.
5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK.160052
6	Hợp đồng về việc thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III số 14/2011/HĐ-TLĐ-A ngày 09/5/2011.
7	Giấy phép xây dựng số 18/GPXD ngày 30/7/2010 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định.
8	Giấy phép xây dựng số 15/GPXD ngày 06/4/2011 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định.
9	Giấy chứng nhận đầu tư số 352 21 000 202 của Ban Quản lý khu kinh tế, chứng nhận lần đầu ngày 16/12/2013
10	Văn bản số 368/ĐTXD-QLHT-MT ngày 24/10/2022 của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bình Định về việc phúc đáp Văn bản số 26/CV-HH ngày 19/10/2022 của Công ty TNHH Hoàng Hưng.
11	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 19/TD-PCCC số 26/3/2008.
12	Văn bản số 03/NT-PCCC v/v nghiệm thu về PCCC hạng mục Hệ thống PCCC công trình Nhà xưởng sản xuất.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B27, KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Các văn bản
13	Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải số 29/2020/HĐ-XLNT ngày 01/6/2020
14	Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 09/2023 HĐDVVS-ĐMT4 ngày 03/01/2023.
15	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 144/2024/HĐKT ngày 06/03/2024.
16	Biên bản khảo sát hiện trường ngày 12/4/2024 của Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định.
17	Phiếu điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tình hình phát sinh, thu gom, quản lý và xử lý chất thải tại các cơ sở trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN.
18	Hóa đơn tiền điện tháng 01/2024 đến tháng 06/2024.
19	Hóa đơn tiền nước tháng 01/2024 đến tháng 06/2024.
20	Phiếu xuất mẫu quan trắc năm 2022 và 2023.
21	Các bản vẽ.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH ĐỊNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4100480974

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 02 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ 11: ngày 10 tháng 09 năm 2014

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG HƯNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: HOHUCO.LTD (CTY TNHH TM SX KINH DOANH XNK
THÀNH VY SÁP NHẬP VÀO CTY TNHH HOÀNG HƯNG)

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô B27 Khu Công nghiệp Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

Điện thoại: 056.3741109 - 0913 440600 Fax: 056.3641171

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100 (Chính)
2	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	46631
3	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Sơ chế nông sản	0163
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
7	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản	4620
9	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322

4. Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng

5. Vốn pháp định

6. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ MINH THIÊN	Số 57 Nguyễn Công Trứ, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	30.500.000.000	61,00	211707284	
2	LÊ THỊ THẢO	Số 57 Nguyễn Công Trứ, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	19.500.000.000	39,00	211621370	

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: LÊ MINH THIÊN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *03/09/1962*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *211707284*

Ngày cấp: *29/07/2009*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bình Định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 57 Nguyễn Công Trứ, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 57 Nguyễn Công Trứ, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

8. Thông tin về chi nhánh

9. Thông tin về văn phòng đại diện

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh

1. Tên địa điểm kinh doanh: XƯỞNG SẢN XUẤT 1 - CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Lô B18, Khu CN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00001
2. Tên địa điểm kinh doanh: XƯỞNG SẢN XUẤT 2 - CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Lô A41, Khu CN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00002
3. Tên địa điểm kinh doanh: XƯỞNG SẢN XUẤT 3 - CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Lô B2, Khu CN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00003



TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Công

Số: 2101/STN&MT

Quy Nhơn, ngày 5 tháng 8 năm 2005

PHIẾU XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án: Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa
Địa điểm: KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
XÁC NHẬN

Điều 1. Dự án Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Công ty TNHH Hoàng Hưng - Bình Định tại Lô A_{14a}, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ngày 1 tháng 8 năm 2005.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các giải pháp phòng chống và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường đã được đề ra trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Trong đó, doanh nghiệp phải đầu tư xây dựng các hạng mục xử lý ô nhiễm bụi, nước thải sản xuất trước khi hoạt động.

Điều 3. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường là cơ sở để các Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, doanh nghiệp phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Hoàng Hưng - Bình Định;
- BQL các KCN tỉnh;
- TTrà Sở, P.QH-KH;
- Lưu VP, MT.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Có Văn Chải

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1007~~/BQL-TNMT

Bình Định, ngày 06 tháng 7 năm 2012.

V/v chuyển đổi pháp nhân của Bản
đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Ngày 27/6/2012, Ban Quản lý Khu kinh tế nhận được Văn bản số 06-12/CV-HH ngày 27/6/2012 về việc chuyển đổi pháp nhân Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Công ty TNHH Hoàng Hưng. Trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước và Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định, Ban Quản lý Khu kinh tế có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận chuyển đổi pháp nhân trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường kèm theo Phiếu xác nhận số 593/KHCNMT do Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp ngày 22/9/2003 cho dự án Nhà máy sản xuất - kinh doanh, chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại lô B18 (lô B21 cũ), KCN Phú Tài và Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường kèm theo Phiếu xác nhận số 2102/STN&MT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05/8/2005 cho dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại lô A41 (lô B14 cũ), KCN Phú Tài từ Công ty TNHH TM SXKD xuất nhập khẩu Thành Vy sang Công ty TNHH Hoàng Hưng.

2. Đồng ý cho Công ty TNHH Hoàng Hưng tiếp tục sử dụng Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường kèm theo Phiếu xác nhận số 593/KHCNMT và Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường kèm theo Phiếu xác nhận số 2102/STN&MT. Công ty TNHH Hoàng Hưng có trách nhiệm phải thực hiện đúng công suất, quy trình công nghệ, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã cam kết tại Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường tại Phiếu xác nhận nêu trên.

3. Công ty TNHH Hoàng Hưng phải thông báo, kê khai bổ sung mọi thay đổi về công suất, công nghệ của dự án (nếu có) cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định để theo dõi, quản lý.

Ban Quản lý Khu kinh tế đề nghị Công ty TNHH Hoàng Hưng triển khai thực hiện. / *nghe*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra Ban;
- Cty CP ĐT&XD Bình Định;
- Lưu: VT; P.TNMT *thay*



Man Ngọc Lý

Số: 342/QĐ-BQL

Quy Nhơn, ngày 11 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500
Công ty TNHH Hoàng Hưng

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 về Quy hoạch xây dựng; số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và KCN;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-TTg ngày 07/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-BXD ngày 30/8/1999, số 1470/QĐ-BXD ngày 18/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN Phú Tài (giai đoạn I và giai đoạn II, III);

Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quy hoạch – Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bản vẽ quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng TL 1/500 (điều chỉnh) Dự án xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
2. Địa điểm quy hoạch xây dựng: Lô A14, KCN Phú Tài (giai đoạn 1, 2, 3), thuộc phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, có giới cận cụ thể như sau:
 - Phía Đông giáp hành lang kỹ thuật.
 - Phía Tây giáp đường số 14.
 - Phía Nam giáp Công ty TNHH Hoàng Trang.
 - Phía Bắc giáp đường số 19.
3. Phân khu chức năng lô đất: Thuộc phân khu sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, vật liệu xây dựng, bao bì, chế biến nông sản.

4. Quy mô quy hoạch xây dựng và cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích đất quy hoạch xây dựng : 17.246,25m²

Trong đó:

- | | | | |
|---------------------------|---|-------------------------|---------------------|
| - Đất xây dựng công trình | : | 10.981 m ² | (chiếm tỷ lệ 63,7%) |
| - Đất sân bãi | : | 1.846,25 m ² | (chiếm tỷ lệ 10,7%) |
| - Đất cây xanh | : | 1.754 m ² | (chiếm tỷ lệ 10,1%) |

- Đất giao thông nội bộ : 2.665 m² (chiếm tỷ lệ 15,5%)

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

5.1 San nền: Cốt san nền tối thiểu +10,21m so với mặt nước biển.

5.2 Giao thông:

- Công chính mở ra đường số 19 (theo quy hoạch).
- Giao thông nội bộ (theo bản vẽ kèm theo Quyết định này).

5.3 Thoát nước mưa nội bộ:

Doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống thu đón nước mưa và đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN tại vị trí M (được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống HTKT).

5.4 Thoát nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sản xuất: Doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ đạt cấp độ B theo Quyết định số 53/2005/QĐ-UBND ngày 18/4/2005 của UBND tỉnh trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại vị trí T (được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống HTKT).

- Nước thải sinh hoạt của DN phải được thu gom và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại vị trí T (được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống HTKT).

6. Quản lý chất thải rắn sản xuất:

Doanh nghiệp phải thực hiện thu gom chất thải sản xuất và hợp đồng với các đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường đưa về bãi xử lý tập trung đúng theo quy định.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan thẩm định và phê duyệt: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Hưng
- Tư vấn thiết kế quy hoạch: Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc ART.

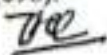
Điều 2. Quyết định này làm căn cứ để tiến hành lập dự án đầu tư và bản vẽ thi công trình cấp thẩm quyền phê duyệt triển khai đầu tư xây dựng theo dự án.

Mọi sự thay đổi về quy mô và nội dung quy hoạch đã được phê duyệt đều phải thông qua Ban Quản lý Khu kinh tế để xem xét chấp thuận điều chỉnh mới được triển khai xây dựng. Đồng thời, sau khi thực hiện XD các hạng mục công trình phải lập bản vẽ hoàn công gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế để kiểm tra và quản lý dự án theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, Giám đốc Công ty PHTT các KCN và Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Hưng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trưởng ban BQL;
- Lưu: VT, QH XD (09b).



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Tô Ngọc Chính

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Hưng

Giấy phép kinh doanh số: 4100480974, cấp ngày 24 tháng 8 năm 2011

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

"Sở hữu tài sản trên lô đất thuê của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định"

BK 160052

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang 16 sang số 01/1.



522155912002871

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: , tờ bản đồ số:
 b) Địa chỉ: Lô B27, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 c) Diện tích: m², (Bằng chữ:)
 d) Hình thức sử dụng: riêng: m², chung: Không
 e) Mục đích sử dụng:
 g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa
 Địa chỉ: Lô B27, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà làm việc	312,5	625,0	Tường gạch, khung BTCT, mái bằng BT	4	2	"-/-"	"-/-"
Nhà bảo vệ	11,2	11,2	Tường gạch, nền gạch hoa, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà trung bày SP	363,9	363,9	Tường gạch, khung BTCT, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà để xe CN	45,3	45,3	Khung kèo thép, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà ăn nghỉ ca VP	87,2	87,2	Tường gạch, nền đá granite, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Kho thành phẩm	4.700,8	4.700,8	Tường gạch, khung kèo thép, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Xưởng đóng gói	2.324,2	2.324,2	Tường gạch, khung kèo thép, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Trạm bơm, bể nước	87,2	87,2	Tường gạch, nắp đan BT	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà vệ sinh	24,9	24,9	Tường gạch, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Cụm lò sấy	301,6	301,6	Tường gạch, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Xưởng phân sơn	235,3	235,3	Tường gạch, khung kèo thép, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Xưởng đóng gói cái tạo từ xưởng phân sơn	1.451,4	1.451,4	Khung kèo thép, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"

4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

5. Cây lâu năm:

6. GHI CHÚ: Không.

5.240

Bình Định, ngày 24 tháng 9 năm 2012
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
 TUO. CHỦ TỊCH
 GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Trần Thái Nga

Số vào sổ cấp GCN: CT01517

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



- Hình đất sử dụng để thuê
 □ Công trình xây dựng trên đất thuê

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Chứng thực bán sao đúng với bản chính
 Số CT: 03848/2012/SCT/BS

22-04-2020



CÔNG CHỨNG VIÊN
 Nguyễn Thị Ngọc Ly

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

Số phát hành GCN: BK 160052

Tờ bản đồ số:

Số vào sổ cấp GCN: CT01517

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

04/02/2013

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn, địa chỉ: 66C Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, Bình Định theo hồ sơ số 21559.003410.TC.VS./.

Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 4/02/2013 có thay đổi đăng ký đất đai tại UBND xã Nhơn Hải, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo hồ sơ số 002871.TC.002./.

Đổi nội dung đăng ký thế chấp ngày 4/02/2013 theo hồ sơ số 002871.XC.003./.

Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định, địa chỉ: 66C Lê Duẩn, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Bình Định theo hồ sơ số 002871.TC.004./.

Tham Chi Hồng Hà

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Bình

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Bình

29/05/2013
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Hữu Bình

Trang bổ sung số: 01

109: D4



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

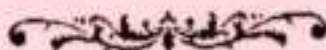


HỢP ĐỒNG

Về việc thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng
tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III

Số: 14/2011/HĐ-TLĐ-A

Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Hưng



Bình Định, ngày 09/5/2011



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ : 14 /2011/HĐ-TLĐ-A

Bình Định, ngày 09 tháng 5 năm 2011

HỢP ĐỒNG

Về việc thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng của

Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.

I- CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 1471/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, công trình KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1580/QĐ-CTUBND ngày 21/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc quy định phương thức thu tiền cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài và Long Mỹ (giai đoạn I);

Căn cứ hợp đồng thuê đất số 25-2004/HĐ-TĐ ngày 07/6/2004, hợp đồng thuê đất bổ sung số 159/2006/HĐ-TĐ ngày 03/11/2006 và hợp đồng thuê đất số 128-2007/HĐ-TĐ ngày 12/9/2007 giữa Công ty Phát triển hạ tầng các KCN (nay là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định) với Sở Tài nguyên và Môi trường về thuê đất để đầu tư xây dựng KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III;

Căn cứ văn bản số 489/BQL-QH ngày 20/6/2005 của Ban Quản lý các KCN Bình Định về việc thu hồi địa điểm lô đất A14_a của Cty cổ phần đá ốp lát & xây dựng Cosevco để giao cho Công ty TNHH Hoàng Hưng thuê thuộc giai đoạn I KCN Phú Tài;

Căn cứ văn bản số 512/BQL-QH ngày 30/6/2005 của Ban Quản lý các KCN Bình Định về việc chấp thuận địa điểm phần còn lại lô đất A14 cho Công ty TNHH Hoàng Hưng thuê thuộc giai đoạn I KCN Phú Tài;

Căn cứ văn bản số 1024/BQL-TNMT ngày 03/12/2009 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chuyển đổi thủ tục thuê lại đất từ Công ty TNHH TM SXKD Thành Vy sang Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 35221000076 ngày 18/8/2005 (chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 07/01/2010) và số 35221000075 ngày 27/4/2001 (chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 30/12/2009) của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Hoàng Hưng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 35221000035 ngày 01/8/2005 và chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/7/2008 của Ban Quản lý các KCN Bình Định cấp cho Công ty TNHH Hoàng Hưng.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Bên cho thuê lại đất (Gọi tắt là Bên A):

Đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH.**
(Trước đây là Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Bình Định)
Đại diện : Ông **Vương Phiêu Linh** Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : 338 Lạc Long Quân, P. Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn
Điện thoại : (056) 3841517 - 3841466 Fax : (056) 3741338
Số tài khoản : 581 100000 26728 tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Tài
Mã số thuế : 4101 137 456

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101 137 456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 9 năm 2010.

2. Bên thuê lại đất (Gọi tắt là Bên B):

Đơn vị : **CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG**
Đại diện : Ông: **Lê Minh Thiện** Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Lô A14 KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại : 056 3741109-0913440600 Fax : 056 3641171
Số tài khoản: 005 100 002 1858 tại Ngân hàng VCB Phú Tài
Mã số thuế : 41 00 48 09 74

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 35 02 000238 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 17/02/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16/10/2009.

III- NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng về thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III, với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1 QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ LẠI

Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại lô đất như sau:

- Tên lô đất: Ký hiệu lô A41 (số cũ: một phần B14), lô B18 (số cũ: B21) và lô B27 (số cũ: A14).

- Địa chỉ lô đất: Tại các lô đất A41, B18, B27 KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III thuộc phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Vị trí khu đất thuê lại xác định theo các sơ đồ mặt bằng lô A41 (diện tích: 8.044 m²), lô B18 (diện tích: 15.673 m²) và lô B27 (diện tích: 17.037 m²) lập ngày 27/12/2010

có xác nhận giữa Công ty TNHH Hoàng Hưng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định. Các sơ đồ mặt bằng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- Diện tích: Theo các Hợp đồng thuê lại đất số 04/HĐ-TLD-A ngày 22/6/2006, Hợp đồng bổ sung số 04a/HĐBS-TLD-A ngày 23/6/2010 và Hợp đồng số 15/HĐ-TLD-A ngày 12/12/2009 giữa Công ty TNHH Hoàng Hưng với Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Bình Định (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định), thì tổng diện tích các lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là **39.569,75 m²** (trong đó: Lô A41 có diện tích: 7.923,5 m²; Lô B18 có diện tích: 14.400 m² và Lô B27 có diện tích: 17.246,25 m²); Và theo số liệu đo đạc diện tích đủ điều kiện sử dụng lập ngày 27/12/2010 giữa Công ty TNHH Hoàng Hưng với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, thì tổng diện tích các lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là **40.754m²** (trong đó: Lô A41 có diện tích: 8.044 m²; Lô B18 có diện tích: 15.673 m² và Lô B27 có diện tích: 17.037 m²). Theo đó có sự chênh lệch diện tích, cụ thể: Diện tích lô A41 chênh lệch **tăng 120,5 m²** (=8.044 m² - 7.923,5 m²), diện tích lô B18 chênh lệch **tăng 1.273 m²** (=15.673 m² - 14.400 m²) và diện tích lô B27 chênh lệch **giảm 209,25 m²** (=17.246,25m² - 17.037 m²).

Như vậy hai Bên thống nhất điều chỉnh lại diện tích là: **Bên A cho Bên B thuê lại các lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 40.754m²** (trong đó: Lô A41 có diện tích: 8.044 m²; Lô B18 có diện tích: 15.673 m² và Lô B27 có diện tích: 17.037 m²). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu diện tích đất thay đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, thì hai Bên ký hợp đồng bổ sung, điều chỉnh diện tích đất thay đổi cho phù hợp.

- Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 40.754 m².

+ Sử dụng chung: Không.

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho Bên A thuê đất và Bên A cho Bên B thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng có trả tiền thuê lại đất và tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.

Những hạn chế về quyền sử dụng đất: Việc xây dựng các công trình trên lô đất thuê lại phải phù hợp với mục đích sử dụng, phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư của Bên B.

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ LẠI ĐẤT

Thời hạn thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN kể từ ngày 01/7/2006 đối với lô đất B27 (diện tích: 17.037m²), từ ngày 01/5/2005 đối với lô đất A41(diện tích: 8.044m²) và từ ngày 01/01/2005 đối với lô đất B18 (diện tích: 15.673 m²) đến hết ngày 31/12/2048.

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ LẠI ĐẤT

Bên B thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng KCN để Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ LẠI VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1- Thời điểm tính tiền thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng KCN:

* Đối với lô đất A41 (diện tích: 8.044m²):

+ Diện tích 7.923,5 m² tính từ ngày 01/5/2005.

+ Diện tích chênh lệch tăng 120,5 m² tính từ ngày 01/5/2005 (theo ngày tính tiền của diện tích 7.923,5 m²).

* Đối với lô đất B18 (diện tích: 15.673 m²):

+ Diện tích 14.400 m² tính từ ngày 01/01/2005.

+ Diện tích chênh lệch tăng 1.273 m² tính từ ngày 01/01/2005 (theo ngày tính tiền của diện tích 14.400 m²).

* Đối với lô đất B27 (diện tích: 17.037m²).

+ Diện tích 17.037m² tính từ ngày 01/7/2006.

+ Diện tích chênh lệch giảm 209,25 m² không tính tiền thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Tiền thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng đối với phần diện tích chênh lệch giảm 209,25 m² mà Bên B đã thanh toán thì sẽ được Bên A khấu trừ vào tiền thuê đất mà Bên B phải thanh toán đối với diện tích đất chênh lệch tăng nêu trên tại lô đất A41 và lô đất B18.

2- Giá thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng đối với lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được tính như sau:

a) Tiền thuê đất thô:

- Từ ngày 21/9/2005 đến ngày 31/12/2007 thanh toán theo giá:

$100.000 \text{ đ/m}^2 \times 0,5\%/\text{năm} = 500 \text{ đ/m}^2/\text{năm}$ (Năm trăm đồng).

- Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2009 thanh toán theo giá:

$200.000 \text{ đ/m}^2 \times 0,25\%/\text{năm} = 500 \text{ đ/m}^2/\text{năm}$ (Năm trăm đồng).

(Theo giá đất được UBND tỉnh Bình Định quy định tại Quyết định số 47/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007, số 44/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 và theo tỷ lệ % tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định được quy định tại Quyết định số 131/2006/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 và số 11/2007/QĐ-UBND ngày 28/6/2007).

- Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2011 thanh toán theo giá:

$200.000 \text{ đ/m}^2 \times 0,5\%/\text{năm} = 1.000 \text{ đ/m}^2/\text{năm}$ (Một nghìn đồng)

(Theo giá đất được UBND tỉnh Bình Định quy định tại Quyết định số 49/2009/QĐ-UBND ngày 17/12/2009, số 29/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 và theo

tỷ lệ % tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định được quy định tại Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 17/12/2009).

Từ ngày 01/01/2012 trở đi: Tiền thuê đất thô sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm khi có sự điều chỉnh của cấp thẩm quyền về giá đất và tỷ lệ % tính tiền thuê đất.

b) Giá cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng KCN:

- Từ ngày 01/01/2005 đến ngày 20/9/2005 thanh toán theo giá 0,3 USD/m²/năm (Không phải ba đô la Mỹ) (bao gồm tiền thuê đất thô).

- Từ ngày 21/9/2005 trở đi thanh toán theo giá 0,3 USD/m²/năm (Không phải ba đô la Mỹ) (không bao gồm tiền thuê đất thô).

Giá cho thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN không bao gồm: chi phí mua điện, mua nước, dịch vụ xử lý nước thải, các dịch vụ khác trong KCN mà doanh nghiệp phải trả để phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai Bên sẽ chịu sự điều chỉnh giá cho thuê kết cấu hạ tầng KCN và phương thức thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

3- Phương thức và Hình thức thanh toán:

a) Phương thức thanh toán:

- Tiền thuê đất thô thanh toán hàng năm. Bên B thanh toán chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Nếu Bên B chậm thanh toán thì phải trả tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng (lãi suất tính trên tổng số tiền Bên B chưa thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng). Trong trường hợp lãi suất của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Tài tại thời điểm Bên B thanh toán cao hơn mức lãi suất 1,5%/tháng thì Bên B phải chịu lãi suất cho vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Tài tại thời điểm tương ứng. Thời gian Bên B thanh toán chậm nhất không quá 06 (sáu) tháng.

- Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng:

+ Từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2006 đối với diện tích 7.923,5 m² (Lô A41), diện tích: 14.400 m² (Lô B18) và diện tích: 17.037 m² (Lô B27): Bên B đã thanh toán hàng năm.

+ Từ năm 2007 – 2016 (10 năm) đối với diện tích 7.923,5 m² (Lô A41), diện tích: 14.400 m² (Lô B18) và diện tích: 17.037 m² (Lô B27): Bên B đã thanh toán trước 01 lần cho 10 năm theo giá cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng: 0,3 USD/m²/năm.

+ Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng từ ngày 01/5/2005 đến ngày 31/12/2016 đối với phần diện tích chênh lệch tăng 120,5 m² của lô đất A41 và từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2016 đối với phần diện tích chênh lệch tăng 1.273 m² của lô đất B18: Bên B thống nhất thanh toán tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng theo giá 0,3 USD/m²/năm chậm nhất đến ngày 30/5/2011. Nếu qua ngày 30/5/2011, thì Bên B thanh toán hàng năm có điều chỉnh giá, thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 của năm thanh toán và được tính theo giá quy định tại năm thanh toán theo bảng tính chi tiết dưới đây:

STT	Năm thu	Giá cho thuê kết cấu hạ tầng bq/năm (USD/m ² /năm)	Lãi vay được cộng của năm thu (USD/m ²)	Giá cho thuê kết cấu hạ tầng được điều chỉnh theo hàng năm bq/năm (USD/m ² /năm)
1	Năm thứ 1 (*)	0,3		0,30
2	Năm thứ 2	0,3	0,02	0,32
3	Năm thứ 3	0,3	0,04	0,34
4	Năm thứ 4	0,3	0,07	0,37
5	Năm thứ 5	0,3	0,09	0,39
6	Năm thứ 6	0,3	0,12	0,42
7	Năm thứ 7	0,3	0,15	0,45
8	Năm thứ 8	0,3	0,18	0,48
9	Năm thứ 9	0,3	0,22	0,52
10	Năm thứ 10	0,3	0,25	0,55

(*) Năm thứ 1 được xác định từ năm 2007.

- Từ năm 2017 trở đi: Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng, Bên B thanh toán theo giá được cấp thẩm quyền quy định.

- Trong 10 năm (tính từ năm 2007), nếu Bên B thanh toán một lần tiền thuê lại đất có kết cấu hạ tầng còn lại cho toàn bộ thời gian thuê lại đất theo dự án thì thanh toán theo giá 0,3 USD/m²/năm.

b) Hình thức thanh toán:

- Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Bên B thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN, kể cả tiền lãi, (nếu có) bằng tiền Việt Nam đồng (VND). Tỷ giá ngoại tệ (USD) được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng (VND) theo tỷ giá ngoại tệ bán ra của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Tài tại thời điểm Bên B thanh toán.

4- Nơi nộp tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng: Tại văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định hoặc chuyển vào tài khoản của Bên A theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Lập hợp đồng điều chỉnh, bổ sung cho thuê lại lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này (nếu có);

- Giao các lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B khi đã đảm bảo đủ các điều kiện;

- Kiểm tra, giám sát Bên B trong việc sử dụng đất theo Giấy chứng nhận đầu tư, thực hiện Quy hoạch mật bằng tổng thể và Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt;

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B trả đủ, đúng hạn tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này;

- Yêu cầu Bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất;

Nếu Bên B không thực hiện việc thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng nêu tại khoản 3 điều 4 của Hợp đồng này hoặc không chấm dứt các vi phạm nêu trên, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này và yêu cầu Bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

- Yêu cầu Bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê lại đất đã hết;

- Sau thời gian quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này mà Bên B vẫn không thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN thì Bên A được quyền: Đăng tải thông tin Bên B còn nợ tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng lên bản tin, website của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định hoặc của Bên A; hoặc thông báo nợ của Bên B về tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng trên các phương tiện thông tin đại chúng; hoặc nhờ các Ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Bên B giao dịch thu hộ; hoặc đề nghị cơ quan cấp thẩm quyền thu hồi địa điểm, giấy chứng nhận đầu tư đối với các lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này để giao cho doanh nghiệp khác có nhu cầu thuê lại; hoặc nhờ cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam áp dụng các biện pháp chế tài khác để thu nợ, đồng thời từ chối việc cung cấp dịch vụ về hạ tầng cho Bên B (không cho sử dụng hạ tầng);

ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê lại đất;

- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất thuê lại;

- Trả đủ, đúng hạn tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này;

- Sử dụng đất đúng theo Giấy chứng nhận đầu tư, Quy hoạch mật bằng tổng thể và Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Không được cho người khác thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.

- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê lại đất;
- Bên B không được phép chuyển nhượng Quyền sử dụng đất dưới bất kỳ hình thức nào;
- Khi phát hiện tài nguyên trong lòng đất tại vị trí được thuê lại đất, thì Bên B giữ nguyên hiện trạng và thông báo cho Bên A biết để báo cáo cho cấp thẩm quyền xử lý theo quy định;
- Có trách nhiệm tạo điều kiện tốt nhất để Bên A thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên A xác định vị trí và giao đất đã thoả thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê lại đất đã thoả thuận;

ĐIỀU 7

VIỆC ĐĂNG KÝ TÁCH CẤP, BIẾN ĐỘNG

GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Điều kiện tách cấp, biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B: Bên B hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho Bên A (thanh toán 100% tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng cho toàn bộ thời gian thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp).
2. Việc đăng ký tách cấp, biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện, Bên B cung cấp các giấy tờ có liên quan.
3. Lệ phí và các khoản liên quan đến việc tách cấp, biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Luật áp dụng trong Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp này là Bộ luật dân sự Việt Nam. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9

CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

1. Bên A cam kết

- 1.1. Lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này thuộc trường hợp được cho thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN theo quy định của pháp luật;

1.2. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này: Lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này sử dụng đúng phân khu chức năng theo quy hoạch chi tiết của KCN đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

1.3 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam kết

2.1. Bảo đảm đầy đủ tư cách pháp nhân và người đại diện ký hợp đồng này đúng theo quy định của pháp luật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;

2.3. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10

THỎA THUẬN KHÁC

1- Trường hợp Bên B bị phân chia, sáp nhập, phá sản, bị cưỡng chế thi hành án hoặc chuyển nhượng tài sản; hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới thì chủ sở hữu mới phải làm lại thủ tục thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN trên cơ sở đã thanh lý Hợp đồng này.

2- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B muốn trả lại các lô đất thuê lại nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B, Bên A sẽ trả lời chính thức và thực hiện thanh lý hợp đồng với Bên B. Thời điểm thanh lý hợp đồng được tính đến khi Bên B hoàn tất việc trả lại mặt bằng cho Bên A. Mọi tài sản của Bên B có trên đất thuê khi trả lại không thuộc trách nhiệm của Bên A.

3- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B được sử dụng và trả tiền các dịch vụ tiện ích có sẵn tại KCN cho Bên A hoặc các đơn vị kinh doanh chuyên ngành cung cấp như: điện, nước, viễn thông,....

4- Bên B có trách nhiệm xử lý chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường theo quy định, đối với nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải xây dựng Trạm xử lý nước thải cục bộ xử lý nước thải đạt cấp độ do cấp thẩm quyền quy định trước khi đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp theo Hợp đồng thu gom xử lý nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt với Bên A. Nếu cốt nền của trạm xử lý nước thải cục bộ của Bên B thấp hơn cốt điểm đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải tập trung KCN, thì Bên B có biện pháp bơm đẩy vào bể đối chứng nước thải của Bên B và chảy tràn vào điểm đầu nối bằng kinh phí của bên B.

5- Bên B phải xây dựng riêng biệt Hệ thống thoát nước mưa và Hệ thống thoát nước thải trong mặt bằng doanh nghiệp.

ĐIỀU 11

CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn thuê lại đất theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này mà hai bên không thỏa thuận về việc gia hạn tiếp tục cho thuê và thuê lại.
- Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng.
- Bên B bị giải thể trước thời hạn, bị phá sản hoặc bị cưỡng chế thi hành án
- Bên B bị cấp thẩm quyền thu hồi địa điểm lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư vào KCN trước thời hạn.
- Hai Bên cùng thống nhất thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

ĐIỀU 12

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Tất cả các trường hợp khác không được quy định trong Hợp đồng này, sẽ được áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp lý liên quan đến khu công nghiệp nói chung và KCN Phú Tài nói riêng.

Khi cấp thẩm quyền có chính sách mới về giá, cơ chế thu tiền cho thuê lại đất, ... áp dụng cho khu công nghiệp làm ảnh hưởng đến hợp đồng này thì hai bên sẽ ký Hợp đồng bổ sung cho phù hợp.

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Hợp đồng này thay thế các Hợp đồng thuê lại đất số 04/HD-TLD-A ngày 22/6/2006, Hợp đồng bổ sung số 04a/HĐBS-TLD-A ngày 23/6/2010 và Hợp đồng số 15/HD-TLD-A ngày 12/12/2009 giữa Công ty TNHH Hoàng Hưng với Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Bình Định.

Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN được lập thành 07 bản, Bên A giữ 4 bản, Bên B giữ 1 bản, đồng gửi Sở Tài nguyên & Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.



KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG.



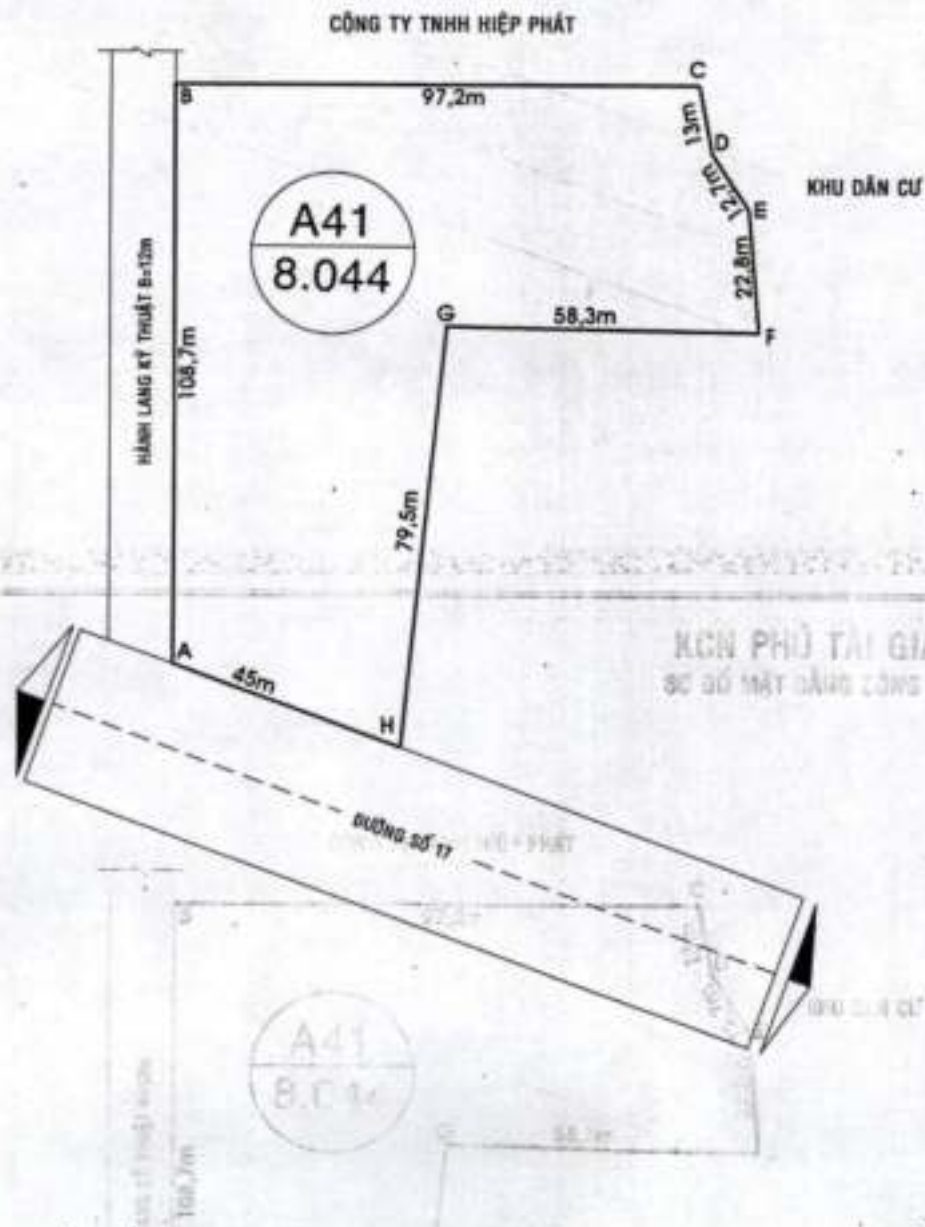
THUYẾT MINH:

- 1/ Diện tích theo Hợp đồng đã ký: 17.246,25m²
- 2/ Diện tích đo thực tế:
- Lô đất B27 được giới hạn bởi các cọc mốc: A, B, C, D, E, F.
Diện tích: S_{đo} = 17.037m².
- 3/ Chênh lệch diện tích giảm đi: (1) - (2):
17.246,25 - 17.037 = 209,25m²



B27

KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG.



THUYẾT MINH:

- 1/ Diện tích theo Hợp đồng đã ký: 7.923,5m².
- 2/ Diện tích đo thực tế:
- Lô đất 818 được giới hạn bởi các cọc mốc: A, B, C, D, E, F, G, H.
Diện tích: S_{actuel} = 8.044m².
- 3/ Chênh lệch diện tích tăng: (2) - (1)
= 8.044 - 7.923,5 = 120,5m².

Quy định, ngày 27 tháng 12 năm 2010
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH



GIÁM ĐỐC

Vương Phiêu Linh

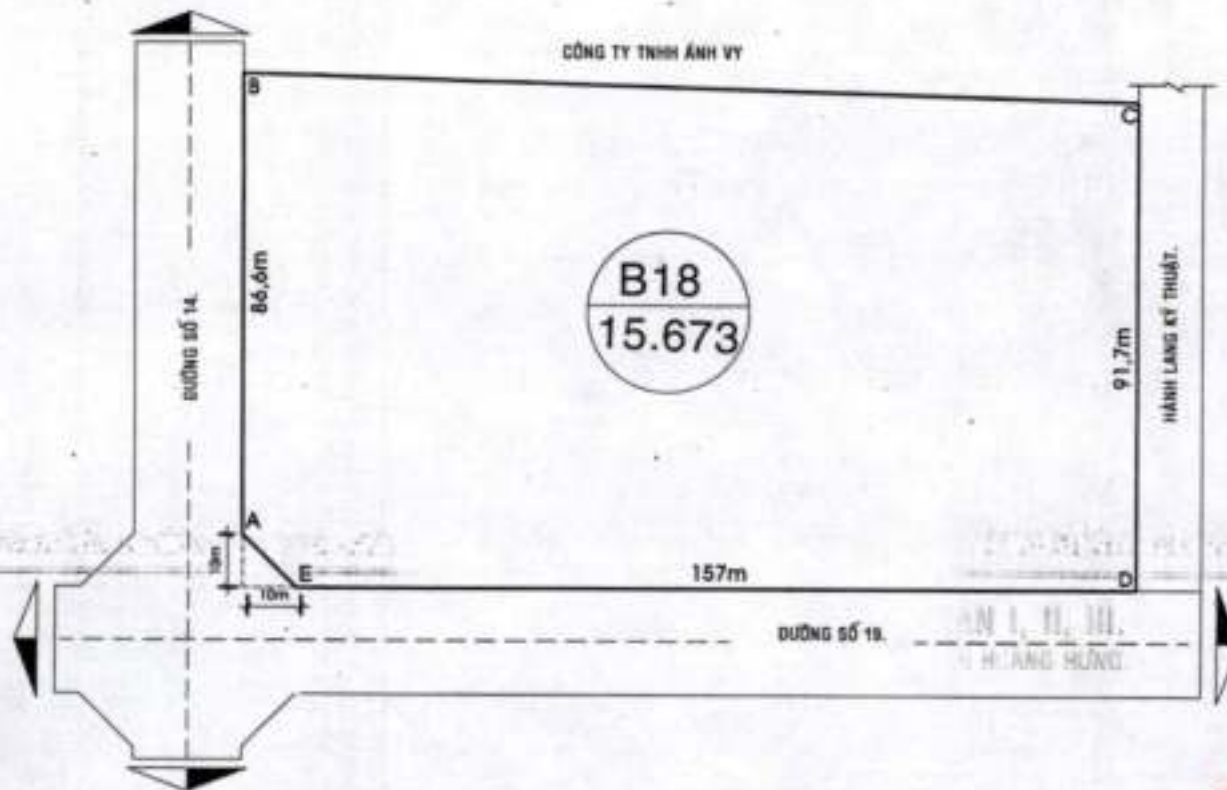


CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG

Lê Minh Thiện

KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG.



THUYẾT MINH:

- 1/ Diện tích theo Hợp đồng đã ký: 14.400m².
- 2/ Diện tích đo thực tế:
- Lô đất B18 được giới hạn bởi các cọc mốc: A, B, C, D, E.
Diện tích: S_{act} = 15.673m².
- 3/ Chênh lệch diện tích tăng: (2) - (1)
= 15.673 - 14.400 = 1.273m².



Đ. Minh Thiện



Vương Thiên Linh

XÁC NHẬN
CỦA TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KKT BÌNH ĐỊNH

Ngày 09 tháng 5 năm 2011 (ngày chín, tháng năm, năm hai nghìn không trăm mười một), tại Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Định, Số nhà 65, đường Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam. Tôi: Man Ngọc Lý, chức vụ: Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Định.

XÁC NHẬN:

- Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn kết cầu hạ tầng được giao kết giữa Bên cho thuê là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, người đại diện là ông Vương Phiêu Linh, chức vụ Giám đốc và Bên thuê là Công ty TNHH Hoàng Hưng, người đại diện là ông Lê Minh Thiện, chức vụ Giám đốc; các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết Hợp đồng này;

- Tại thời điểm xác nhận, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Mục đích, nội dung thoả thuận của các bên trong Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Đối tượng của Hợp đồng là có thật;

- Các bên giao kết đã đọc kỹ Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi.

- Hợp đồng này được làm thành 07 bản chính (mỗi bản chính gồm 14 tờ, 14 trang), giao cho:

+ Bên cho thuê 05 bản chính;

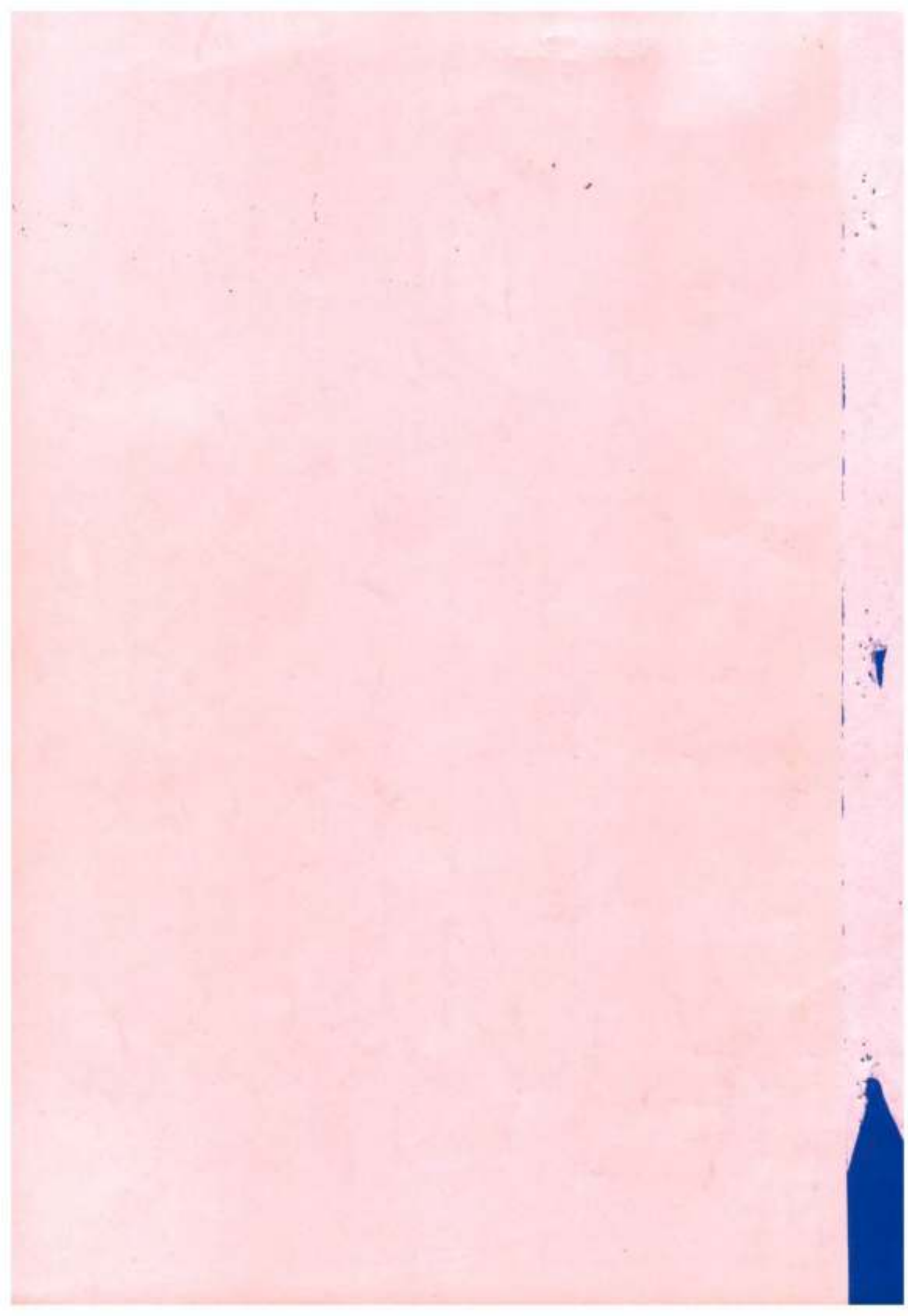
+ Bên thuê 01 bản chính;

Lưu tại Phòng Tài nguyên - Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Định 01 bản chính./.

Số: 15, quyền số 01 /BQL- XNHĐTLD./



Man Ngọc Lý



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 15 /GPXD

- Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định việc cấp giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-BQL ngày 11/3/2010 của Trưởng ban Ban Quản lý KTT về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mật bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 Công ty TNHH Hoàng Hưng.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Cấp cho: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Địa chỉ: Lô A14 KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn.

Số điện thoại: 0563 741109

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

2.1. Tên công trình: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu & tiêu thụ nội địa

2.2. Địa điểm xây dựng: Lô A14 KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn.

2.3. Ranh giới xây dựng:

Công trình xây dựng phải nằm trong ranh giới khu đất theo đúng quy hoạch tổng mật bằng được duyệt và tuyệt đối không được vi phạm ranh giới quy hoạch.

2.4. Nội dung xây dựng:

Hạng mục xin phép xây dựng:

- Nhà làm việc (2 tầng): Diện tích xây dựng 336m² (16mx21m); chiều cao 8,8m; móng tường xây đá chẻ, móng trụ BTCT; kết cấu hệ khung dầm trụ BT cốt thép từ cos ±0.000 (cao 0,75m tính từ mặt bằng doanh nghiệp đã san nền) trở lên, mái bê tông cốt thép.

- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

3. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn kết cấu chịu lực của công trình.

- Phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng.
- Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư hạ tầng KCN trước khi khởi công xây dựng công trình.
- Khi cần thay đổi thiết kế, diện tích xây dựng công trình thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Bình Định, ngày 06 tháng 4 năm 2011

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Hưng;
- Công ty CP ĐT xây dựng;
- Lưu: VP, P.QHXD. *ve*

TRƯỞNG BAN



Man Ngọc Lý

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Quy Nhơn, ngày... .. tháng... .. năm... ..

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 18 /GPXD

- Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định việc cấp giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Cấp cho: Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa chỉ: Lô A14 KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn. Số điện thoại: 056. 3741577

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

2.1. Tên công trình: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

2.2. Địa điểm xây dựng: Lô A14 và lô A9 KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.

2.3. Ranh giới xây dựng:

- Công trình xây dựng phải nằm trong ranh giới khu đất theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt và tuyệt đối không được vi phạm ranh giới quy hoạch.

2.4. Nội dung xây dựng:

Các hạng mục xin phép xây dựng gồm:

- Nhà trưng bày sản phẩm (thuộc lô A 14): Diện tích xây dựng 1.560m² (26mx60m); chiều cao 9,91m; móng, trụ BTCT (đến cos +0.300); kết cấu khung kèo thép; (từ cos + 0.000) trở lên đầu hồi khung trụ giằng bê tông cốt thép, xây tường bao bằng gạch ống 6 lỗ dày 200.

- Nhà xưởng sản xuất (thuộc lô A9): diện tích xây dựng 3.360m² (30mx112m); chiều cao 10,67m; móng, trụ BTCT (đến cos +0.200); kết cấu khung kèo thép; (từ cos + 0.000) trở lên đầu hồi khung trụ giằng BT cốt thép, xây tường bao bằng gạch ống 6 lỗ dày 200.

- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

3. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn kết cấu chịu lực của công trình.

- Phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng.

- Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư hạ tầng KCN trước khi khởi công xây dựng công trình.

- Khi cần thay đổi thiết kế, diện tích xây dựng công trình thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Quy Nhơn, ngày 30. tháng 7. năm 2010

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Hưng;

- Công ty PTHT các KCN;

- Lưu: VP, P.QHXD.

[Signature]



TRƯỞNG BAN

Man Ngọc Lý

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Quy Nhơn, ngày.....tháng..... năm.....

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 352 21 000 202

Chứng nhận lần đầu: ngày 16 tháng 12 năm 2013

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 29/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp; Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 124/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu công nghiệp Phú Tài, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Hoàng Hưng nộp ngày 11/12/2013,

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100480974 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 17/02/2003. Đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 24/8/2011



Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 056.3741109 – 0913 440600

Đại diện bởi: Ông Lê Minh Thiện

Chức vụ: Giám đốc Ngày sinh: 03/9/1962

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 211 707 284 Ngày cấp: 29/7/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 59 đường Nguyễn Công Trứ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện nay: Số 59 đường Nguyễn Công Trứ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư:

Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY CHÉ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẤU
(Sản xuất hàng trong nhà)

Điều 2. Mục tiêu và quy mô dự án:

- Mục tiêu: Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất hàng trong nhà.
- Quy mô công suất: 6.000 m³ gỗ quy tròn/năm

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô B27, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Diện tích đất sử dụng: 9.000 m² (thuộc mặt bằng Dự án hiện hữu của Doanh nghiệp có tổng diện tích 17.037 m²).

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 6.000.000.000 đồng

Loại vốn : tiền mặt.

Tiến độ góp vốn: Quý I/2014.

Điều 5. Thời hạn thực hiện Dự án: kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư đến ngày 31/12/2048.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Từ Quý I/2014 đến Quý II/2014

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:

Được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành.

Điều 8. Triển khai thực hiện dự án:

Nhà Đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện Dự án Đầu tư theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và các quy định tại Giấy Chứng nhận Đầu tư; tuân thủ các

quy định pháp luật về xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Dự án Đầu tư.

Điều 9. Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Doanh nghiệp và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

TRƯỞNG BAN



Man Ngọc Lý



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH**

Số: 368 /ĐTXD-QLHT-MT

V/v phúc đáp Văn bản số 26/CV-HH
ngày 19/10/2022 của Công ty TNHH
Hoàng Hưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 24 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Ngày 19/10/2022 Công ty TNHH Hoàng Hưng có Văn bản số 26/CV-HH về việc đề nghị xác nhận tên lô đất. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định (Chủ đầu tư KCN Phú Tài) phúc đáp như sau:

Theo Quy hoạch điều chỉnh KCN Phú Tài đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1471/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010 thì tên một số lô đất trong KCN Phú Tài có sự thay đổi để phù hợp với các phân khu chức năng ngành nghề sản xuất trong KCN. Đối với các lô đất Công ty TNHH Hoàng Hưng thuê lại đất với Chủ đầu tư KCN Phú Tài cụ thể như sau:

Số thứ tự	Tên lô đất theo Quy hoạch cũ	Tên lô đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1471/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010	Theo Hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư KCN
1	A14	B27	B27
2	A9	B18	B18
3	B14	A41	A41

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định xác nhận đề Công ty TNHH Hoàng Hưng có cơ sở thực hiện các hồ sơ thủ tục liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu: VT, QLHT-MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Đình Luyện

BỘ CÔNG AN
Công an Tỉnh Bình Định
Số: 19 /TD-PCCC(.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số ngày 14/3/2008

của Công ty TNHH Hoàng Hưng
Người đại diện là ông / bà: Lê Thị Thuận Chức danh: Giám đốc
(1) Phòng Cảnh Sát - PCCC

CHỨNG NHẬN:

- (2) **HỆ THỐNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG**
Địa điểm: Khu Công nghiệp Phú Tài - TP Quy Nhơn
Chủ đầu tư / chủ phương tiện: Công ty TNHH Hoàng Hưng
Đơn vị lập dự án / thiết kế: Công ty TNHH Thiết Kế - Kiến Trúc A+B
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: 1 - Bể chứa nước chữa cháy;
2 - Máy bơm chữa cháy;
3 - Đường ống dẫn nước chữa cháy;
4 - Cách lắp đặt họng chờ chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) 1/ Máy bơm chữa cháy phải được giám định kỹ thuật theo qui định.
2/ Công trình phải được nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào hoạt động.

Nơi nhận
- Công ty TNHH Hoàng Hưng;
- Lưu PC 23.

Quy Nhơn, ngày 26 tháng 3 năm 2008

(4) **TL/ GIÁM ĐỐC**
KT/ TRƯỞNG PHÒNG PC 23
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá: **TRẦN XUÂN CHÍ**

- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.
(4) Chức danh người ký giấy

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC VÀ CC TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 /NT-PCCC

Bình Định, ngày 02 tháng 01 năm 2018

V/v nghiệm thu về PCCC hạng mục Hệ thống PCCC công trình Nhà xưởng sản xuất.

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Theo đề nghị tại văn bản số 03/CV-HH ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc nghiệm thu PCCC của Công ty TNHH Hoàng Hưng; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về PCCC tại biên bản kiểm tra do đại diện Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Định lập ngày 17 tháng 11 năm 2017 và hồ sơ nghiệm thu về PCCC của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Cảnh sát PC và CC tỉnh Bình Định đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Hoàng Hưng đối với hạng mục Hệ thống PCCC tại các Nhà xưởng theo các nội dung sau:

- Xưởng 1: Lô B27, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định, gồm:

- + Hệ thống điện cấp điện cho PCCC;
- + Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống chữa cháy vách tường;
- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 2: Lô B18, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định, gồm:

- + Hệ thống điện cấp điện cho PCCC;
- + Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống chữa cháy vách tường;
- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 3: Lô A41, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định, gồm:

- + Hệ thống điện cấp điện cho PCCC;
- + Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống chữa cháy vách tường;
- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 4: Lô B2, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định, gồm:

- + Hệ thống điện cấp điện cho PCCC;
- + Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống báo cháy tự động;
- + Hệ thống chữa cháy vách tường;
- + Hệ thống đèn Exit và chiếu sáng sự cố;
- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

Để đảm bảo an toàn PCCC cho các Nhà xưởng sản xuất trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH Hoàng Hưng thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị tại Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 17/11/2017 và các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về PCCC. *T. Hoàng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CS PC&CC số 2 (th/dõi);
- Lưu: VT, P1, P2.



Đại tá Phạm Đình Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 29 /2020/HĐ-XLNT

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đơn giá xử lý nước thải từ năm 2016 đến năm 2018 của Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định về việc quy định cấp độ xử lý nước thải theo từng loại hình sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN Phú Tài và Long Mỹ.

Hôm nay, ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại văn phòng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG (gọi tắt là bên A):

- Địa chỉ : Lô B27, B18, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện : Ông **Lê Minh Thiện** Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 056 3741109 Fax: 0563641171
- Mã số thuế : 4100480974
- Tài khoản số : 0051000021858 tại Chi nhánh Ngân hàng VCB Phú Tài.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100480974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 17/02/2003, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 24/8/2011.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH (gọi tắt là bên B):

- Địa chỉ : 338 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện : Ông **Phạm Văn Thành** Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : (0256) 3841517 - 3641201
- Mã số thuế : 41 01137 456
- Số tài khoản : 58110000026728 tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP ĐPTT Phú Tài.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101137456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/9/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 30/11/2017.



Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai Bên thống nhất ký Hợp đồng thực hiện thu gom, xử lý nước thải với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc, điều kiện tiếp nhận nước thải:

- Bên B nhận thu gom, xử lý nước thải của Bên A đã qua xử lý sơ bộ vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài tại hố ga góc tường rào phía Đông Nam lô B18, hố ga góc tường rào phía Đông Bắc lô B27, hố ga góc tường rào phía Tây Nam lô B2 của doanh nghiệp.

- Yêu cầu chất lượng: Trước khi xả thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, nước thải của Bên A phải được xử lý sơ bộ và đạt cấp độ 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, được Bên B lấy mẫu nước thải làm phân tích thí nghiệm sau khi đạt kết quả tiêu chuẩn cho phép.

- Bên A chịu trách nhiệm tự kiểm soát cấp độ và chất lượng nước thải trong phạm vi doanh nghiệp cho phù hợp với yêu cầu trên. Trường hợp nồng độ nước thải từ doanh nghiệp chảy vào hệ thống xử lý tập trung không đảm bảo theo quy định (vượt quá cấp độ 1,5C) thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận nước thải của Bên A.

Điều 2. Khối lượng, thu gom xử lý nước thải:

- Khối lượng nước thải tiếp nhận vào Hệ thống xử lý tập trung được xác định trên cơ sở kiểm tra thực tế do hai Bên thỏa thuận theo từng thời điểm có phát sinh biến động về nước thải.

- Phương pháp đo kiểm: Thông qua bể đo chứng của bên A.

- Khối lượng và thời điểm xả thải: Tạm tính $09m^3$ /ngày đêm (theo Biên bản làm việc ngày 20/7/2015) sau này có biến động sẽ xác định lại để hai bên lập hợp đồng điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Thời gian thực hiện:

- Kể từ ngày 01/6/2020.

- Thời hạn Hợp đồng thực hiện đến hết ngày 31/12/2048 (tính cho cả vòng đời dự án thuê đất của doanh nghiệp).

Điều 4. Đơn giá, phương thức và hình thức thanh toán:

- Đơn giá thu gom xử lý nước thải: $7.590 \text{ đồng}/m^3$ (Bảy nghìn năm trăm chín mươi đồng) đã có thể giá trị giá tăng, tương ứng với đơn giá thu gom, xử lý nước thải đạt cấp độ 1,5C đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015. Đơn giá trên thay đổi (nếu có) khi cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

- Thanh toán 02 lần trong năm khi có thông báo thu tiền của Bên B.

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Nếu quá thời hạn 15 ngày (so với ngày qui định trong thông báo) mà Bên A vẫn không thanh toán tiền thu gom xử lý nước thải, thì Bên B có quyền không tiếp nhận nước thải của Bên A để xử lý.

Điều 5. Quyền hạn, trách nhiệm của hai Bên:

a. Bên A có trách nhiệm:

- Dấu nổi nước thải đã qua xử lý sơ bộ vào Hệ thống tập trung KCN Phú Tài.
- Bồi thường thiệt hại khi nước thải không qua xử lý sơ bộ mà đưa vào Hệ thống thu gom xử lý tập trung, gây thiệt hại cho Bên B.
- Cử cán bộ (nhân viên) cùng lấy mẫu nước thải để kiểm tra khi có yêu cầu của Bên B.

- Thanh toán đủ tiền và đúng hạn.

b. Bên B có quyền hạn, trách nhiệm:

- Thu gom, xử lý nước thải của Bên A đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011 trước khi thải ra môi trường.

- Tổ chức lấy mẫu nước thải của Bên A tại bể đối chứng hoặc hồ ga tại vị trí đầu nổi để kiểm tra chất lượng nước thải, làm cơ sở tiếp nhận hoặc không tiếp nhận xử lý. Việc lấy mẫu kiểm tra được tiến hành đột xuất.

- Có quyền không tiếp nhận nếu nước thải của Bên A vượt quá cấp độ 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐT ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định hoặc không nhận được tiền thanh toán sau 02 lần thông báo và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên A.

Điều 6. Hợp đồng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Hết thời gian hiệu lực của hợp đồng.
- Một trong hai Bên vi phạm hợp đồng dẫn đến phương hại cho Bên kia.

Điều 7. Điều khoản chung:

- Hai Bên thống nhất thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng, các thỏa thuận khác (nếu có) sẽ ký hợp đồng bổ sung.

- Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp, các Bên tự giải quyết bằng tinh thần hòa giải. Trường hợp không giải quyết được sẽ được phân xử tại Tòa Kinh tế tỉnh Bình Định và phán quyết của Tòa là cuối cùng.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 03 bản, có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HOÀNG HÙNG
Lê Minh Thiện

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
BÌNH ĐỊNH
Phạm Văn Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số: 09/2023 HĐDVVS – ĐMT4

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Văn bản Hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Nghị định Quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Bình Định, về việc quy định giá tối đa dịch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2018-2019;

Căn cứ Công văn số 8023/UBND-TH, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định, về việc chủ trương thu giá thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành Phố Quy Nhơn.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định, chúng tôi gồm có:

I. Bên A: Bên thuê thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Tên đơn vị: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG HÙNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Số điện thoại: 02563.741.109

Tài khoản số: 0051000430812 tại Ngân hàng Ngoại Thương – CN Quy Nhơn

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 415002704

Đại diện là Ông: Lê Minh Thiện

Chức vụ: Giám đốc

II. Bên B: Bên nhận thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 40 Phan Bội Châu, Phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 02563814600

Tài khoản số: 58010000001427 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bình Định

Mã số thuế: 4100298570

Đại diện là Bà: Trần Thị Trâm Anh

Chức vụ: Phó Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 04/GUQ-CTMT do Chủ tịch HĐQT Công ty ký ngày 27/12/2022).

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt với những điều khoản sau:

Điều I. Nội dung công việc

Bên B thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường cho bên A với khối lượng 14 m³/tháng, mỗi tuần 02 lần vào các ngày thứ 2, 6 tại 2 địa điểm: Lô B18 và Lô B2 KCN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn.

Trách nhiệm bên A:

Đề chất thải rắn sinh hoạt trong giỏ (khoảng 50 kg/giỏ), hoặc thùng đựng rác và tập kết tại 01 điểm cố định thuận lợi để bên B đưa xe vào vận chuyển.

Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn theo quy định và theo hướng dẫn của bên B.

Không bỏ chung các loại chất thải y tế, rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp với chất thải rắn sinh hoạt, nếu vi phạm bên B có quyền từ chối thực hiện Hợp đồng.

Bên A bố trí điểm rác thuận lợi và hướng dẫn để xe của bên B vào đến nơi thu gom, vận chuyển rác thải.

Khi bên A ngừng, nghỉ hoặc chuyển địa điểm kinh doanh phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho bên B được biết. Nếu bên A không thông báo cho bên B thì chịu trách nhiệm thanh toán trong thời gian nghỉ kinh doanh.

Khi thanh toán tiền dịch vụ cho Bên B thì Bên A cần ghi rõ những nội dung trên chứng từ thanh toán như sau: Tên đơn vị, Mã khách hàng, ký thanh toán.

Trách nhiệm bên B:

Bố trí xe và công nhân vào lấy chất thải rắn sinh hoạt, vận chuyển lên bãi rác Long Mỹ để xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

Điều II. Đơn giá, hình thức và thời gian thanh toán

Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải SHTT: 300.000 đồng/m³

Thành tiền hàng tháng (đơn giá nhân với khối lượng bình quân):

- Thành tiền: 300.000 đồng/m³ x 14 m³/tháng = 4.200.000 đồng/tháng.

(Bằng chữ: Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng).

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%. Khi Nhà nước có thay đổi về mức thuế thì mức thuế sẽ được thay đổi tương ứng.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Thời gian thanh toán: Thanh toán một lần, từ ngày 10 đến ngày 25 hàng tháng.

Điều III. Thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 đến khi có sự thay đổi quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của UBND tỉnh Bình Định, sự thay đổi về khối lượng của Bên A hoặc theo thỏa thuận của hai bên; hai bên sẽ tiến hành thương thảo, ký lại Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng và có hiệu lực tại thời điểm ký kết.

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn khi bên A chậm thanh toán cho bên B sau 10 ngày, kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của bên B. Mọi thiệt hại của việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng do bên A chịu trách nhiệm.

Điều IV. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản trong Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai bên tiến hành bàn bạc giải quyết và điều chỉnh Hợp đồng cho phù hợp. Trường hợp có tranh chấp thì tự thương lượng hoặc khiếu kiện đến Tòa án kinh tế Bình Định.

Hợp đồng xem như được thanh lý khi hai bên đã hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Lê Minh Thiện

ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Trâm Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số: 144/2024/HĐKT

HỢP ĐỒNG

(V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của 2 Bên;

Hôm nay, ngày 06 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

Đại diện : Ông Lê Minh Thiện Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Lô B27 KCN Phú Tài, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Số điện thoại : 02563.741577 Fax: 0256.641171

Mã số thuế : 4100480974

BÊN B : CÔNG TY TNHH TM & MT HẬU SANH

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Hậu Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : 19 Bà Huyện Thanh Quan, P. Hải Cảng, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Số điện thoại : 02563 894979

Mã số thuế : 4100824110

Mã số QLCTNH : 3 – 4.101.VX

Số tài khoản : 4301238056789 tại Ngân hàng Agribank Quy Nhơn

0051000430560 Tại Ngân hàng Vietcombank Bình Định

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc phải thực hiện

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) cho Bên A đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

1.1. Địa điểm thu gom tại:

-Xưởng sản xuất 1 - Công Ty TNHH Hoàng Hưng

ĐC: Lô B27 KCN Phú Tài, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

-Xưởng sản xuất 3 - Công Ty TNHH Hoàng Hưng

ĐC: Lô B2 KCN Phú Tài, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

1.2. Loại chất thải hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý: CTNH

STT	Loại chất thải	ĐVT	Mã CTNH
1	Dầu bảo quản gỗ vô cơ thải	kg	09 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg	16 01 06
3	Bao bì mềm thải bị nhiễm các TPNH	kg	18 01 01
4	Bao bì cứng thải bị nhiễm các TPNH	kg	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bị nhiễm các TPNH	kg	18 01 03
6	Các loại vật dụng bị nhiễm dầu thải: giẻ lau, bao tay nhiễm dầu...	kg	18 02 01
7	Cặn sơn thải	kg	16 01 09
8	Dầu thủy lực tổng hợp thải	kg	17 01 06
9	Ấp quy chì thải	kg	19 06 01

1.3. Phương tiện: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

1.4. Thời gian thu gom:

- Thời gian dự kiến: tháng 11.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH Bên A phải thông báo cho Bên B trước 5 ngày để Bên B triển khai việc thu gom.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A không thông báo cho Bên B yêu cầu thu gom thì Bên B sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên A, nếu phù hợp thì tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển, xử lý. Thời gian thông báo: 05 ngày.

1.5. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH: 01 lần/năm

Điều 2: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

2.1. Giá trị hợp đồng được xác định:

2.1.1. Trường hợp khối lượng chất thải cần thu gom của quý công ty ≤ 200 kg/ lần, thì đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý là 6.000.000 VNĐ/lần (Sáu triệu đồng chẵn). Trường hợp khối lượng chất thải của quý công ty cần thu gom, vận chuyển và xử lý > 200 kg/ lần, thì từ kg 201 trở đi sẽ có đơn giá là 22.000 VNĐ/kg (Hai mươi hai nghìn đồng).

2.1.2. Nếu đến thời gian kết thúc hợp đồng mà Bên A không thực hiện bàn giao chất thải cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý, thì bên A vẫn phải thanh toán chi phí 6.000.000 VNĐ để làm cơ sở thực hiện hợp đồng

2.1.3. Đơn giá này đã bao gồm thuế GTGT

2.2. Phương thức thanh toán:

2.2.1. Cơ sở thanh toán: Căn cứ vào khối lượng CTNH thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý mà xác định giá trị theo Khoản 2.1 Điều này.

2.2.2. Hai bên sẽ lập hồ sơ giao nhận chất thải thực tế thu gom làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng.

2.2.3. Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

2.2.4. Thời gian thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ chứng từ và hóa đơn tài chính của Bên B

Điều 3: Hiệu lực hợp đồng:

- Ngày bắt đầu hợp đồng: 06/03/2024
- Ngày kết thúc hợp đồng: 06/03/2025

Sau khi 02 bên đã hoàn thành nhiệm vụ và không có tranh chấp xảy ra, Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên:

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:

4.1.1. Ký, đóng dấu vào tất cả các liên chứng từ CTNH để xác nhận việc đã thống nhất kê khai chính xác trước khi tiến hành chuyển giao CTNH cho Bên B.

4.1.2. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo khối lượng CTNH vận chuyển và xử lý.

4.1.3. Bên A có trách nhiệm phân loại, đóng bao, lưu chứa chất thải nguy hại trong kho lưu chứa CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

4.1.4. Trường hợp có sự thay đổi về thành phần CTNH, Bên A phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên B được biết để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cũng như bố trí phương tiện thu gom, vận chuyển cho phù hợp.

4.1.5. CTNH phải được bên A kiểm soát từ nguồn thải, tuyệt đối không được trộn lẫn các chất thải với nhau và thực hiện theo hướng dẫn Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

4.1.6. Bên A có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện cùng với Bên B bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển của Bên B tại kho lưu chứa CTNH của Bên A.

4.1.7. Bên A tự chịu trách nhiệm đối với các CTNH không bàn giao cho Bên B vận chuyển và xử lý theo Hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B.

4.2.1. Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý CTNH theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường, đồng thời chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra.

4.2.2. Cung cấp cho Bên A các giấy phép vận chuyển và xử lý CTNH.

4.2.3. Vận chuyển, xử lý CTNH đúng địa điểm và thời gian quy định.

4.2.4. Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A cùng bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển tại kho lưu chứa CTNH của Bên A.

4.2.5. Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình vận chuyển, xử lý CTNH.

4.2.6. Cùng Bên A xác định khối lượng CTNH được thu gom, vận chuyển và xử lý để làm cơ sở thanh toán.

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

5.1. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp phát sinh hoặc có liên quan tới Hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết trên tinh thần xây dựng.

5.2. Trường hợp không đạt thỏa thuận giữa các bên, thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên có quyền đệ đơn trình lên tòa án kinh tế tỉnh Bình Định để xử lý theo pháp luật. Quyết định của tòa án kinh tế tỉnh Bình Định là quyết định cuối cùng và tính chất bắt buộc với các bên. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do bên có lỗi chịu trách nhiệm giải quyết.

Điều 6. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng.

6.1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng.

6.1.1. Các trường hợp tạm dừng Hợp đồng: Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra; các trường hợp bất khả kháng hoặc các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.

6.1.2. Một Bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên bị thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng hai Bên sẽ thỏa thuận để khắc phục.

6.2. Chấm dứt Hợp đồng.

Vì lý do chưa thể lường trước được, Bên A có thể phải hủy bỏ hợp đồng nếu trường hợp này xảy ra thì Bên A sẽ thông báo trước 30 ngày cho Bên B bằng văn bản. Trong trường hợp này, bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán bồi thường cho bên B các khoản sau:

- Số dư chưa thanh toán cho phần công việc mà bên B đã thực hiện xong;
- Tất cả các chi phí mà bên B phải trả khi thực hiện các nội dung công việc đến thời điểm nhận thông báo hủy hợp đồng của bên A;

Tất cả số tiền cần thiết phải trả và các chi phí hành chính hợp lệ mà bên B phải chịu có liên quan đến sự hủy hợp đồng.

Điều 7. Điều khoản chung.

7.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

7.2. Nếu có thay đổi, các bên phải báo cáo lại cho nhau trước bằng văn bản, bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng này.

7.4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

7.5. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, Bên A không được ký Hợp đồng với đối tác khác về việc vận chuyển, xử lý CTNH.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KHẢO SÁT HIỆN TRƯỜNG

Thực hiện Quyết định số 77/QĐ-BQL ngày 28/3/2023 của Trưởng ban Ban Quản lý KKT quy định về tiêu chí và thang điểm phân hạng các doanh nghiệp tại các KCN và KKT Nhơn Hội theo hướng Doanh nghiệp xanh.

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 12 / 4 / 2024, Ban Quản lý KKT phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại mặt bằng dự án của... Công ty TNHH Hoàng Hưng tại Lô B27; Lô B18; Lô B2... KCN Phú Tài...

I. Thành phần tham gia:

1. Đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế:

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Thanh Phụng Chức vụ: CV. PQLTNNMT
- Ông/Bà: Đỗ Thị Minh Thi Chức vụ: CV. PQLTNNMT
- Ông/Bà: Vũ Hoài Bắc Chức vụ:
- Ông/Bà: Chức vụ:

2. Đại diện các đơn vị liên quan:

- Ông/Bà: Nguyễn Quang Thụy, chức vụ: CBMT Cty CP. SX. Bê tông Bình Định
- Ông/Bà:

3. Đại diện Công ty TNHH Hoàng Hưng

- Ông/Bà: Dương Ngọc Hiếu Chức vụ: Trưởng phòng TCHC
- Ông/Bà: Chức vụ:

II. Nội dung:

2.1. Các thủ tục pháp lý về hồ sơ môi trường

1. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Bản cam kết BVMT, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch BVMT, Đề án BVMT, Giấy phép môi trường của dự án được phê duyệt/xác nhận.

☒ Có

☐ Không

2. Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý CTNH với đơn vị có chức năng.

☒ Có (B2, B27, B18)

☐ Không

3. Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng.

☒ Có (B2, B27, B18)

☐ Không

4. Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn công nghiệp với đơn vị có chức năng.

☒ Có (Biên bản thỏa thuận)

☐ Không

5. Hợp đồng đấu nối nước thải với Chủ đầu tư hạ tầng KCN/hoặc Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (trong trường hợp không đấu nối nước thải vào hệ thống XLNT tập trung của KCN).

☒ Có

☐ Không

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- ☒ Thực hiện theo đúng quy định (báo cáo và đo đạc, lấy mẫu quan trắc đầy đủ theo quy định) (B2, B27, B18)
- ☐ Có thực hiện nhưng chưa đúng theo quy định (báo cáo và đo đạc, lấy mẫu quan trắc chưa đúng hoặc chưa đầy đủ theo quy định)
- ☒ Không thực hiện (B18 tích hợp chung vào B27)

7. Có Sổ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải, khí thải và ghi chép đầy đủ các thông tin theo quy định.

- Thuộc đối tượng thực hiện ☐

☐ Có

☐ Không

- Không thuộc đối tượng thực hiện ☒

8. Có Biên bản bàn giao CTRCNTT phải xử lý.

- ☒ Thực hiện đầy đủ cho mỗi lần chuyển giao chất thải
- ☐ Có thực hiện nhưng không đầy đủ theo quy định
- ☐ Không thực hiện

9. Giấy phép khai thác nước mặt/nước dưới đất/hợp đồng cung cấp nước.

☒ Có

☐ Không

10. Văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành dự án.

- Thuộc đối tượng thực hiện ☐

☐ Có

☐ Không

- Không thuộc đối tượng thực hiện ☒

11. Lập và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến cơ quan cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

- Thuộc đối tượng thực hiện ☐

☐ Có

☐ Không

- Không thuộc đối tượng thực hiện ☒

12. Văn bản niêm yết công khai Quyết định phê duyệt ĐTM/Giấy phép môi trường.

- Thuộc đối tượng thực hiện ☐

☐ Có

☐ Không

- Không thuộc đối tượng thực hiện ☒

13. Có Văn bản báo cáo cơ quan cấp Giấy phép môi trường để được xem xét, giải quyết trong trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp theo quy định.

☐ Có

☒ Không

2.2. Đo đạc, lấy mẫu đánh giá mẫu chất lượng môi trường tại DN

.....Thức...khí...lấy...mẫu...: 01...mẫu...khí...thải...lưu...lưu...lưu...B18...; 02...mẫu...khí...thải...lưu...lưu...lưu...B2...; 01...mẫu...hạt...thăng...phân...sản...tại...lưu...B2.....

2.3. Tình hình thực hiện công tác BVMT

1. Công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH).

- Lượng CTNH phát sinh:kg/tháng hoặckg/năm. 140 kg/năm là B27+B11
44 kg/năm là B2
- Bố trí trang thiết bị/bao bì thu gom, khu vực lưu chứa CTNH theo quy định.
- ☒ Có (Bố trí tại là B27 và B2) ☐ Không

- Công tác thu gom, phân loại và quản lý CTNH trong mặt bằng.

- ☐ Có ☐ Không
- ..Năm 2023 ít hoạt động nên chưa thu gom vận chuyển xử lý rồi còn lưu kho.

2. Công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải công nghiệp.

- Lượng chất thải công nghiệp phát sinh:kg/tháng hoặckg/năm. 399.728 kg năm là B27+B11
310059 kg/năm là B2
- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp đảm bảo có mái che, hợp vệ sinh,.... theo quy định.

- ☐ Có ☐ Không
- Bãi f. B2. Bố trí tại khu lò hơi có mái che (gỗ vụn).

- Thu gom, phân loại, lưu chứa và vận chuyển xử lý hoặc tái sử dụng theo quy định.

- ☒ Có ☐ Không

3. Công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Lượng CTRSH phát sinh:kg/tháng hoặcm³/tháng. 04 m³/tháng (là B27+B11)
03 m³/tháng (là B2)
- Bố trí trang thiết bị thu gom, khu vực lưu chứa CTRSH đảm bảo có mái che, hợp vệ sinh,.... theo quy định.

- ☒ Có ☐ Không

- Thu gom, phân loại, lưu chứa và vận chuyển xử lý theo quy định.

- ☒ Có ☐ Không

4. Công tác thu gom, xử lý nước thải

- Thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý tập trung của KCN/xây dựng hệ thống XLNT theo quy định.

- ☒ Đã thực hiện ☐ Chưa thực hiện
- Công nghệ xử lý: Nước thải sinh → bể tự hoại → đầu nối
.....Nước thải sản xuất (nước rửa dầu) → lắng → đầu nối

5. Công tác thu gom, xử lý khí thải.

Xây dựng công trình xử lý khí thải theo đúng phương án trong hồ sơ môi trường được duyệt hoặc không đúng với phương án đã được duyệt nhưng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng Văn bản.

☒ Đã thực hiện

☐ Chưa thực hiện

☐ Hoạt động sản xuất của DN không phát sinh khí thải

Công nghệ xử lý: Khí thải từ lò hơi → cyclone → bể nước → ống khói (L5 B18)
... Khí thải từ lò hơi → cyclone → bể nước → bể phân nước → ống thoát (B2)
... phân bón → tận thu bụi chuyên dụng → ống thoát

6. Thực hiện trồng cây xanh trên mặt bằng theo quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt.

☐ Đạt 100% diện tích

☐ Đạt từ 90% đến <100% diện tích

☒ Đạt 70% đến 90% diện tích (L5 B2)

☒ Đạt <70% diện tích (L5 B23 và B18)

7. Tình hình vệ sinh môi trường tại mặt bằng doanh nghiệp.

- Sắp xếp nguyên liệu, sản phẩm gọn gàng, ngăn nắp

☒ Có

☐ Không

- Mặt bằng sân bãi, nhà xưởng đảm bảo vệ sinh công nghiệp

☒ Có

☐ Không

... Mặt bằng L5 B18 được đảm bảo vệ sinh

8. Thực hiện công tác PCCC, an toàn lao động và các biện pháp bảo hộ lao động cho công nhân

- Hồ sơ, trang thiết bị về PCCC đã được cơ quan có chức năng thẩm định.

☒ Đầy đủ (cho cơ sở)

☐ Chưa đầy đủ

... Bộ Sưu tập hệ thống hút khói theo QCVN 06: 2021/BXD và TCVN 5787: 2010

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

☒ Đầy đủ

☐ Chưa đầy đủ

- Xảy ra cháy, nổ.

☐ Có

☒ Không

- Xảy ra tai nạn lao động.

☐ Có

☒ Không

9. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 14001, chứng nhận đạt tiêu chuẩn OHSAS 18001/ISO 45001, chứng chỉ HSE, hoặc có các giải thưởng về môi trường.

☐ Có

☒ Không

10. Áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong quá trình sản xuất được cơ quan có chức năng công nhận

☐ Có

☒ Không

11. Thực hiện kiểm toán năng lượng đạt yêu cầu được cơ quan có chức năng cấp Giấy chứng nhận.

☐ Có

☒ Không

12. Cán bộ có chuyên môn đào tạo về môi trường tại đơn vị.

☐ Có

☒ Không

13. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố môi trường.

☐ Có

☒ Không

14. Áp dụng công nghệ tiên tiến trong quá trình xử lý chất thải.

☐ Có

☒ Không

15. Đơn, thư phản ánh về công tác bảo vệ môi trường hoặc bị xử phạt VPHC về môi trường.

☐ Có

☒ Không

Biên bản này là cơ sở để xét bình chọn các doanh nghiệp theo hướng doanh nghiệp xanh và báo cáo Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế xem xét, quyết định.

Biên bản được lập vào lúc h phút cùng ngày, được đọc cho các bên liên quan cùng nghe, thống nhất thông qua và ký tên dưới đây./.

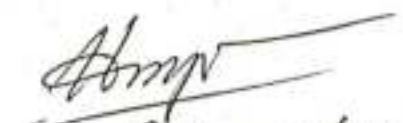
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CÔNG TY TNHH...HOÀNG...HÙNG....


Nguyễn Thị Thanh Phương


Dương Ngọc Hùng

CÔNG TY CP ĐTXD BÌNH ĐỊNH


Nguyễn Quang Huy

Bình Định, ngày 12 tháng 04 năm 2024

PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN

Về tình hình phát sinh, thu gom, quản lý và xử lý chất thải tại các cơ sở trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên Công ty: Công ty TNHH Hoàng Hưng
- Địa điểm thực hiện: Lô B27, B28, B2 KCN Thủ Tài
- Người đại diện cung cấp thông tin: Dương Ngọc Kiều Chức vụ Trưởng phòng TCNC
- Điện thoại liên hệ: 0935.252.125
- Ngành nghề sản xuất: Chế biến gỗ

II. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

1. Công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Lượng CTRSH phát sinh: kg/tháng hoặc 04 m³/tháng (Lô B27+B28)
03 m³/tháng (Lô B2)
- Số lượng thùng thu gom chuyên dụng đảm bảo hợp vệ sinh:
Hoặc thiết bị thu gom khác (nếu cụ thể): 10 thùng chuyên dụng Lô B27+B28
10 thùng chuyên dụng Lô B2
- Bố trí khu vực lưu chứa CTRSH đảm bảo có mái che, hợp vệ sinh theo quy định (nếu có nêu cụ thể kích thước hoặc diện tích).
Không
- Phương pháp xử lý CTRSH (ký hợp đồng thu gom, xử lý hay phương pháp khác).
Ký hợp đồng với Công ty CP Môi trường Bình Định
- Tần suất thu gom CTRSH: lần/ngày hoặc 02 lần/tuần

2. Khối lượng và phương pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở, phương pháp xử lý

STT	Loại chất thải phát sinh (*)	Khối lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý (**)	Tên đơn vị thu gom
01	Dầu bảo 667 287 kg/năm 63kg/lô	667 287 kg/năm 63kg/lô	Hộp đóng và	Hệ cá nhân
02	Bột ulu 42 489 kg/năm cá 3kg	42 489 kg/năm cá 3kg	đơn vị là hệ cá nhân	

Ghi chú:

(*) Loại chất thải phát sinh: Các doanh nghiệp kê khai theo loại chất thải phát sinh thường xuyên tại doanh nghiệp.

(**) Phương pháp xử lý: Ví dụ tái sử dụng hoặc bán cho đơn vị khác làm nguyên liệu sản xuất hoặc thu gom cùng với rác thải sinh hoạt hoặc hợp đồng với đơn vị xử lý. Trường hợp ký hợp đồng với đơn vị xử lý ghi rõ có lập biên bản bàn giao chất thải hay không.

- Lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở

☐ Không phân loại và lưu chứa cùng với khu lưu chứa rác thải sinh hoạt;

☒ Phân loại và lưu chứa riêng với các loại chất thải khác;

+ Bố trí khu vực lưu chứa CTCNPKT đảm bảo theo quy định (nếu có nêu cụ thể kích thước hoặc diện tích, cao độ nền, mái che, mặt sàn có được bê tông hoá).

...Giả...bìa...lô...B18...+...B2...bô...bi...tại...khu...lưu...chứa...có...mái...che... ..

...Dầu...bảo...lưu...chứa...trong...buồng...chứa...bùn... ..

...mùn...củ...đất...tại...khu...lưu...chứa...của...C.P...có...mái...che... ..

3. Khối lượng và phương pháp xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS) và chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh tại cơ sở, phương pháp xử lý

STT	Loại chất thải phát sinh (*)	Khối lượng (kg/năm)		Phương pháp xử lý (**)	Tên đơn vị thu gom
		B18	B2		
01	Bóng đèn huỳnh quang	04	10	Ký hiệu xử lý	Công ty TNHH
02	Bao bì mềm thải	07	05		TM và MT Hậu Sanh
03	Bao bì cứng (Kẹo)	21	13		
04	Bao bì cứng (nhựa)	16	08		
05	Gỉ lau	67	04		
06	Cơm sên	25	04		
	Tổng	140	44		

4. Bố trí trang thiết bị/bao bì thu gom, khu vực lưu chứa CTCNPKS và CTNH theo quy định

- Bố trí trang thiết bị/bao bì thu gom, khu vực lưu chứa chất thải

☒ Có

☐ Không

- Mặt sàn bên trong khu vực lưu giữ chất thải bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

☒ Có

☐ Không

- Mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải

☒ Có

☐ Không

- Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định

☒ Có

☐ Không

- Có biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm), có dán mã chất thải theo quy định.

☒ Có

☐ Không

5. Đơn vị có tham gia lớp tập huấn về công tác BVMT hằng năm do Ban Quản lý KKT tổ chức

☒ Có

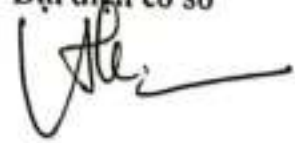
☐ Không

6. Kiến nghị của cơ sở

Cán bộ khảo sát


Nguyễn Thị Thanh Phương

Đại diện cơ sở


Dương Ngọc Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00000113

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/01/2024

Đến ngày: 15/01/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.307,24	1.229,55	60	4.661	1.809	8.431.749
CD	475,16	446,78	60	1.703	3.314	5.643.742
TD	81,94	78,17	60	226	1.184	267.584
Ngày 17 tháng 01 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 17/01/2024 07:47:04			Tiền phản kháng			843.373
			Cộng	6.590		15.186.448
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			1.214.916
			Tổng cộng tiền thanh toán			16.401.364
			Số tiền bằng chữ:	Mười sáu triệu bốn trăm lẻ một nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng chẵn.		

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu:
Mã tra cứu : 7ce630dcb92b404daa7593c75aa33f8c



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00000573

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/01/2024

Đến ngày: 31/01/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

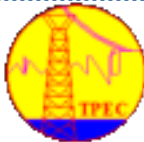
Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.403,64	1.307,24	60	5.784	1.809	10.463.256
CD	509,19	475,16	60	2.042	3.314	6.767.188
TD	86,29	81,94	60	261	1.184	309.024
Ngày 31 tháng 01 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 31/01/2024 15:37:21			Tiền phản kháng			1.031.321
			Cộng	8.087		18.570.789
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			1.485.663
			Tổng cộng tiền thanh toán			20.056.452
			Số tiền bằng chữ:	Hai mươi triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng chẵn.		

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu:
Mã tra cứu : a6f28adda51b42d5a34ee62508d6c0cd



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00000698

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/02/2024

Đến ngày: 15/02/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.443,88	1.403,64	60	2.414	1.809	4.366.926
CD	524,5	509,19	60	919	3.314	3.045.566
TD	90,53	86,29	60	254	1.184	300.736
Ngày 16 tháng 02 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 16/02/2024 14:59:48			Tiền phản kháng			266.106
			Cộng	3.587		7.979.334
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			638.347
			Tổng cộng tiền thanh toán			8.617.681
			Số tiền bằng chữ:	Tám triệu sáu trăm mười bảy nghìn sáu trăm tám mươi một đồng chẵn.		

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu:
Mã tra cứu : ea4f6f9beaea4404b5be519c31820573



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00001153

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/02/2024

Đến ngày: 29/02/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.506,08	1.443,88	60	3.732	1.809	6.751.188
CD	544,97	524,5	60	1.228	3.314	4.069.592
TD	94,07	90,53	60	212	1.184	251.008
Ngày 29 tháng 02 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 29/02/2024 15:41:22			Tiền phản kháng			381.977
			Cộng		5.172	11.453.765
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			916.301
			Tổng cộng tiền thanh toán			12.370.066
			Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: da44aa3a4e5a4cac80945be2f87d33e5



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00001287

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/03/2024

Đến ngày: 15/03/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.594,82	1.506,08	60	5.324	1.809	9.631.116
CD	580,81	544,97	60	2.150	3.314	7.125.100
TD	97,88	94,07	60	229	1.184	271.136
Ngày 16 tháng 03 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 16/03/2024 14:30:50			Tiền phản kháng			1.215.753
			Cộng	7.703		18.243.105
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			1.459.448
			Tổng cộng tiền thanh toán			19.702.553
			Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu bảy trăm lẻ hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 5ad2c7130802484aa616237021b6d5c3



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00001749

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/03/2024

Đến ngày: 31/03/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.692,14	1.594,82	60	5.839	1.809	10.562.751
CD	620,44	580,81	60	2.378	3.314	7.880.692
TD	102,34	97,88	60	268	1.184	317.312
Ngày 31 tháng 03 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 31/03/2024 15:00:28			Tiền phản kháng			1.103.132
			Cộng	8.485		19.863.887
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			1.589.111
			Tổng cộng tiền thanh toán			21.452.998
Số tiền bằng chữ: Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn chín trăm chín mươi tám đồng chẵn.						

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 0de636aabc6a461b85f0fbc428dea33b



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00001882

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/04/2024

Đến ngày: 15/04/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.785,8	1.692,14	60	5.620	1.809	10.166.580
CD	655,43	620,44	60	2.099	3.314	6.956.086
TD	107,24	102,34	60	294	1.184	348.096
Ngày 16 tháng 04 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 16/04/2024 11:31:24			Tiền phản kháng			812.390
			Cộng	8.013		18.283.152
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			1.462.652
			Tổng cộng tiền thanh toán			19.745.804
			Số tiền bằng chữ:	Mười chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm lẻ bốn đồng chẵn.		

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu:
Mã tra cứu : ccc66d3c51594f25808d9c26917f8caf



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00002345

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/04/2024

Đến ngày: 30/04/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.863,52	1.785,8	60	4.663	1.809	8.435.367
CD	686,05	655,43	60	1.837	3.314	6.087.818
TD	111,6	107,24	60	262	1.184	310.208
Ngày 30 tháng 04 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 30/04/2024 14:34:07			Tiền phản kháng			166.134
			Cộng	6.762		14.999.527
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			1.199.962
			Tổng cộng tiền thanh toán			16.199.489
Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng chẵn.						

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu:

Mã tra cứu : 7ceef3c51be74cc39a5f8895fda5ff3f



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00002479

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/05/2024

Đến ngày: 15/05/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền		
BT	1.931,61	1.863,52	60	4.085	1.809	7.389.765		
CD	705,66	686,05	60	1.177	3.314	3.900.578		
TD	115,28	111,6	60	221	1.184	261.664		
Ngày 17 tháng 05 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 17/05/2024 09:56:10			Tiền phản kháng			129.382		
			Cộng5.483					11.681.389
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế					934.511
			Tổng cộng tiền thanh toán					12.615.900
			Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm đồng chẵn.					

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 218df3356c614dfa97dbf9cad5e16d07



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00002937

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/05/2024

Đến ngày: 31/05/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	1.997,85	1.931,61	60	3.974	1.809	7.188.966
CĐ	727,71	705,66	60	1.323	3.314	4.384.422
TĐ	119,15	115,28	60	232	1.184	274.688
Ngày 31 tháng 05 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 31/05/2024 14:52:21						
			Cộng			5.529
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			11.848.076
			Tổng cộng tiền thanh toán			947.846
			Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi hai đồng chẵn.			12.795.922

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 4922bc13aba84b8a90c9dba1a20e3d42



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00003078

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/06/2024

Đến ngày: 15/06/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	2.047,33	1.997,85	60	2.969	1.809	5.370.921
CĐ	747,84	727,71	60	1.208	3.314	4.003.312
TĐ	122,75	119,15	60	216	1.184	255.744
Ngày 17 tháng 06 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 17/06/2024 15:36:35			Cộng		4.393	9.629.977
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			770.398
			Tổng cộng tiền thanh toán			10.400.375
			Số tiền bằng chữ: Mười triệu bốn trăm nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 0ba25e05cc684ac890924ebd43464743



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00003541

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/06/2024

Đến ngày: 30/06/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Lô B27, Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.4-481KCN

Số công tơ: 21130108

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	2.085,56	2.047,33	60	2.294	1.809	4.149.846
CD	762,56	747,84	60	883	3.314	2.926.262
TD	126,34	122,75	60	215	1.184	254.560
Ngày 30 tháng 06 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 30/06/2024 15:31:11			Cộng			7.330.668
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			586.453
			Tổng cộng tiền thanh toán			7.917.121
			Số tiền bằng chữ: Bảy triệu chín trăm mười bảy nghìn một trăm hai mươi một đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu:
Mã tra cứu : 9354e50e006242e4a4ad86febbdc760



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 58838

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 28 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061865

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -12 -2023

Đến ngày: 25 -01 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
01/2024	Bình thường	1	397	0	0	526	129

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 01/2024	129	15.800	2.038.200
Cộng tiền nước:			2.038.200
Thuế GTGT đối với nước 5%			101.910
Tiền nước:(1)			2.140.110
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			2.140.110

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu một trăm bốn mươi nghìn một trăm mười đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 28/01/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 135995

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 27 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061865

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -01 -2024

Đến ngày: 25 -02 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
02/2024	Bình thường	1	526	0	0	626	100

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 02/2024	100	15.800	1.580.000
Cộng tiền nước:			1.580.000
Thuế GTGT đối với nước 5%			79.000
Tiền nước:(1)			1.659.000
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			1.659.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 27/02/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 214078

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061865

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -02 -2024

Đến ngày: 25 -03 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
03/2024	Bình thường	1	626	0	0	760	134

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 03/2024	134	15.800	2.117.200
Cộng tiền nước:			2.117.200
Thuế GTGT đối với nước 5%			105.860
Tiền nước:(1)			2.223.060
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			2.223.060

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm hai mươi ba nghìn không trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 27/03/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 283068

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061865

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -03 -2024

Đến ngày: 25 -04 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
04/2024	Bình thường	1	760	0	0	933	173

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 04/2024	173	15.800	2.733.400
Cộng tiền nước:			2.733.400
Thuế GTGT đối với nước 5%			136.670
Tiền nước:(1)			2.870.070
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			2.870.070

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn không trăm bảy mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 26/04/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 363939

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 28 tháng 05 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061865

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -04 -2024

Đến ngày: 25 -05 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
05/2024	Bình thường	1	933	0	0	1081	148

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 05/2024	148	15.800	2.338.400
Cộng tiền nước:			2.338.400
Thuế GTGT đối với nước 5%			116.920
Tiền nước:(1)			2.455.320
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			2.455.320

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 28/05/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 436170

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 26 tháng 06 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061865

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -05 -2024

Đến ngày: 25 -06 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
06/2024	Bình thường	1	1081	0	0	1237	156

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 06/2024	156	15.800	2.464.800
Cộng tiền nước:			2.464.800
Thuế GTGT đối với nước 5%			123.240
Tiền nước:(1)			2.588.040
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			2.588.040

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn không trăm bốn mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 26/06/2024

Số/No: 1608.1022/QTPT

Quang Ngãi, 09/6/2022

**PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

- Đơn vị yêu cầu/Customer : **TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG K K T – CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH**

- Loại mẫu/Type of sample : **Không Khí**

Kí hiệu/Sign	Tọa độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
K 152/4/7	X: 1524304 Y: 596294	01/06/2022	Khu vực ruộng trồng, phun sơn - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B27 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
K 152/4/8	X: 1524504 Y: 596320	01/06/2022	Khu vực phân xưởng gia công - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B18 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 01/06/2022 - 06/06/2022

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test Results**

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				K 152/4/7	K 152/4/8	
I	KHÔNG KHÍ					
1 ^(a)	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	2,74	2,54	
2 ^(a)	Carbon monoxit (CO)	SQP-K7/EMC	mg/m ³	6,25	5,44	
3 ^(a)	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,32	0,28	
4 ^(a)	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,24	0,21	
II	TIẾNG ỒN					
5 ^(a)	Mức âm (Leq)-HT	TCVN 7878-2:2010	dBA	77	83	

Ghi chú/Note:

Dữ liệu Tổng số được cấp chứng nhận VIMCERTS 029. Recognized by VIMCERTS certificate



VILAS 273
Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
VP-Director/Vice Director



- Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time.
- Không được vi phạm một phần nào của các điều kiện thử nghiệm. Any deviation of this test result are not allowed in any way without approval of EMC by official document.
- Hết thời hạn lưu mẫu. The sample must be used within the specified time of the sample. 225. days and after 225. days - expiration date of the test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD350; 505/TN-TDL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 3902. 2022 /QTPT

Quang Ngãi, 24/11/2022

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG K K T - CN CÔNG TY
CÓ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH

- Loại mẫu/Type of sample : Không Khí

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
K 320/5/1	X: 1524304 Y: 596294	16/11/2022	Khu vực nhúng tấm, phun sơn - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B27 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
K 320/5/2	X: 1524504 Y: 596320	16/11/2022	Khu vực phân xưởng gia công - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B18 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 16/11/2022 - 19/11/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

Test Results						
STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				K 320/5/1	K 320/5/2	
I	KHÔNG KHÍ					
1 ^(a)	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	2,94	2,76	
2 ^(a)	Carbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	mg/m ³	5,36	5,72	
3 ^(a)	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,28	0,22	
4 ^(a)	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,22	0,18	
II	TIẾNG ÒN					
5 ^(a)	Mức âm (Loq)-HT	TCVN 7878-2:2010	dBA	75	81	

Ghi chú/Note:

(a) Các thông số được thử nghiệm và được công nhận bởi VILAS 273. The parameters has been accredited VILAS273
(b) Các thông số được thử nghiệm và được công nhận bởi VIMCERTS 029. Recognized by VIMCERTS certificate
(c) Các thông số đo đạc tại địa điểm thử nghiệm. The parameters measure at location



KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Hồ Minh Tuấn

Lê Anh Trà

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time.

Chúng được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC. Không nên đưa kết quả của thử nghiệm vào bất kỳ tài liệu nào khác. Any data of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC. In official document
Hết thời hạn hạn mức EMC không gửi người tiêu dùng và không có trách nhiệm về kết quả thử nghiệm. After expiry time of the sample, EMC will not send any comparison about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD350; 505/TN-TDL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

VILAS 273

Số/Nr: 3389/2023/QIPT

Quảng Ngãi, 23/12/2023

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH
- Loại mẫu/Type of sample : Khí làm việc

Kí hiệu/Sign	Tọa độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
K 354/12/3	X: 1524304 Y: 596294	20/12/2023	Khu vực nhúng tấm, phun sơn - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B27 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
K 354/12/4	X: 1524504 Y: 596320	20/12/2023	Khu vực phần xương gia công - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B18 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 20/12/2023 - 23/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				K 354/12/3	K 354/12/4	
I	KHÍ LÀM VIỆC					
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	2,35	2,14	
2	Carbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	mg/m ³	5,48	4,79	
3	Lưu huỳnh điôxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,29	0,24	
4	Nitơ điôxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,18	0,16	
II	TIẾNG ÒN					
5	Mức âm (L _{eq})-HT	TCVN 7878-2:2010	dBA	74	82	

Ghi chú/Note

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
MẶT BẰNG TỔNG THỂ LÔ A14 (ĐIỀU CHỈNH) TL: 1/500



GHI CHÚ

1. NHÀ LÀM VIỆC DỰ KIẾN NÂNG LÊN 2 TẦNG: DT= 23mx15,6m = 359m²
2. NHÀ BẢO VỆ: DT=3,5mx3,5m= 12,2m²
3. NHÀ NGHỈ CA CN: DT=15mx25m= 375m²
4. NHÀ ĐỂ XE CNV: DT=3,5mx17m= 59,5m²
5. TRẠM ĐIỆN: DT=3,5mx3,5m= 12,2m²
6. NHÀ ẨM NGHỈ CA KHỐI VĂN PHÒNG: DT= 134m²
7. KHO THÀNH PHẨM: DT=88mx50m= 4400m²
8. XƯỞNG ĐÓNG GÓI: DT=80mx34m= 2720m²
9. TRẠM BƠM + BỂ NƯỚC: DT=4mx8m = 32m²
10. NHÀ TRUNG BÀY SẢN PHẨM XÂY MỚI: DT=24mx48m =1152m²
11. NHÀ VỆ SINH: DT=4,5mx16m =72m²
12. CỤM LÒ SẤY HIỆN TRẠNG = 840m²
13. LÒ SẤY CẢI TẠO: DT=13,5mx39,5m = 533m²
14. XƯỞNG ĐÓNG GÓI CẢI TẠO TỨ XƯƠNG PHUN SƠN = 280m²
15. LÒ LƯOT THẢO DỖ = 200m²
16. XƯỞNG CUA CỎ THẢO DỖ = 320m²
17. NHÀ HÚT BỤI THẢO DỖ = 120m²
18. CỤM LÒ SẤY THẢO DỖ = 238m²
19. XƯỞNG PHUN SƠN HIỆN TRẠNG = 220m²

TRONG ĐÓ

- TỔNG DIỆN TÍCH: 17.246,25 m²
- TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 10.981 m²; CHIẾM: 63,7%
- TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH: 1354 m²; CHIẾM: 10,1%
- TỔNG DIỆN TÍCH GIAO THÔNG NỘI BỘ PCCC: 2665 m²; CHIẾM: 15,5%
- TỔNG DIỆN TÍCH SÂN BÁT: 1040,25 m²; CHIẾM: 10,7%



05/12/2010
Nhật ký theo dõi chỉnh

Ch.

Thượng tá: **TRẦN XUÂN CHÍ**

KÝ HIỆU



HẠNG MỤC CT ĐÃ XÂY DỰNG



HẠNG MỤC CT XD MỚI & ĐIỀU CHỈNH



HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH THẢO DỖ

PHÊ DUYỆT

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 342/QĐ-BQL NGÀY 11 THÁNG 3 NĂM 2010
THAY THẾ CHO BẢN VẼ ĐÃ PHÊ DUYỆT NGÀY 08/4/2008



KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Cô Ngọc Chính

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2010



Lê Minh Chiến

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC A.R.T	CÔNG TRÌNH	CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LẠM BẮN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA	H. THÀNH 01/2010
	HẠNG MỤC	QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ	BẢN VẼ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC A.R.T	QH. ĐIỀU CHỈNH MB. LÔ A14		KT
	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ - VẼ
KTS. NGUYỄN PHAN HOÀNG	<i>Phan Hoàng</i>	KTS. NGUYỄN HỮU TẤT ĐẠT	<i>Hữu Tất Đạt</i>
			VÕ ĐÌNH SANG

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC LÔ A14 (ĐIỀU CHỈNH)



GHI CHÚ

1. NHÀ LÀM VIỆC DỰ KIẾN NÂNG LÊN 2 TẦNG: DT= 23mx15,6m = 359m²
2. NHÀ BẢO VỆ: DT=3,5mx3,5m= 12,2m²
3. NHÀ NGHỈ CA CN: DT=15mx25m= 375m²
4. NHÀ ĐỂ XE CNV: DT=3,5mx17m= 59,5m²
5. TRẠM ĐIỆN: DT=3,5mx3,5m= 12,2m²
6. NHÀ ẨM NGHỈ CA KHỐI VĂN PHÒNG: DT= 134m²
7. KHO THÀNH PHẨM: DT=88mx50m= 4400m²
8. XƯỞNG ĐÓNG GÓI: DT=80mx34m= 2720m²
9. TRẠM BƠM + BỂ NƯỚC: DT=4mx8m = 32m²
10. NHÀ TRƯNG BÀY SẢN PHẨM XÂY MÔI: DT=24mx48m =1152m²
11. NHÀ VỆ SINH: DT=4,5mx16m =72m²
12. CỤM LÔ SẤY HIỆN TRẠNG = 840m²
13. LÔ SẤY CẢI TẠO: DT=13,5mx39,5m = 539m²
14. XƯỞNG ĐÓNG GÓI CẢI TẠO TỪ XƯỞNG PHỤN SƠN = 280m²

- HỆ THỐNG THU ĐÓN NƯỚC MƯA NỘI BỘ CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC XÂY DỰNG BẰNG MƯƠNG XÂY ĐÁ CHÉ 400 X 600 NÁP ĐẠN BẰNG BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÂY 50, CÁC ĐOẠN QUA ĐƯỜNG ĐẠN DÂY 100

- HỆ THỐNG MƯƠNG THU NƯỚC XÂY DỰNG THEO HƯỚNG DỐC TỰ CHẢY THEO ĐỘ DỐC CỦA MẶT BẰNG HIỆN CÓ

- NƯỚC SAU KHI THU GOM KẾ CẢ BỂ TỰ HOẠI KHU VỆ SINH ĐƯỢC ĐÁU NỔI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG CỦA KCN TẠI ĐIỂM M

- DOANH NGHIỆP CÒ BỔ SUNG XÂY DỰNG 1 SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TÙY NHIÊN MẶT BẰNG DOANH NGHIỆP VẮN ĐẢM BẢO THU ĐÓN NƯỚC MƯA CHO CẢ MẶT BẰNG ĐỘ DỐC HỆ THỐNG MƯƠNG CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP-HƯỚNG PHẢI ĐÁU

TƯ MỞ RỘNG MƯƠNG MA CHỈ XÂY DỰNG HỆ THỐNG THU GOM CỦA CÁC HẠNG MỤC ĐÁU NỔI VÀO

KÝ HIỆU

- HẠNG MỤC CT ĐÃ XÂY DỰNG
- HẠNG MỤC CT XD MỚI & ĐIỀU CHỈNH
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT
- VỊ TRÍ ĐÁU NỔI NƯỚC THẢI

PHÊ DUYỆT
BAN QUẢN LÝ KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:/QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM
THAY THẾ CHO ĐƠN VỊ ĐÃ PHÊ DUYỆT NGÀY 08/4/2008

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2010

HOÀNG HƯNG
Lê Minh Thiện

--

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC LÔ A14 (ĐIỀU CHỈNH)



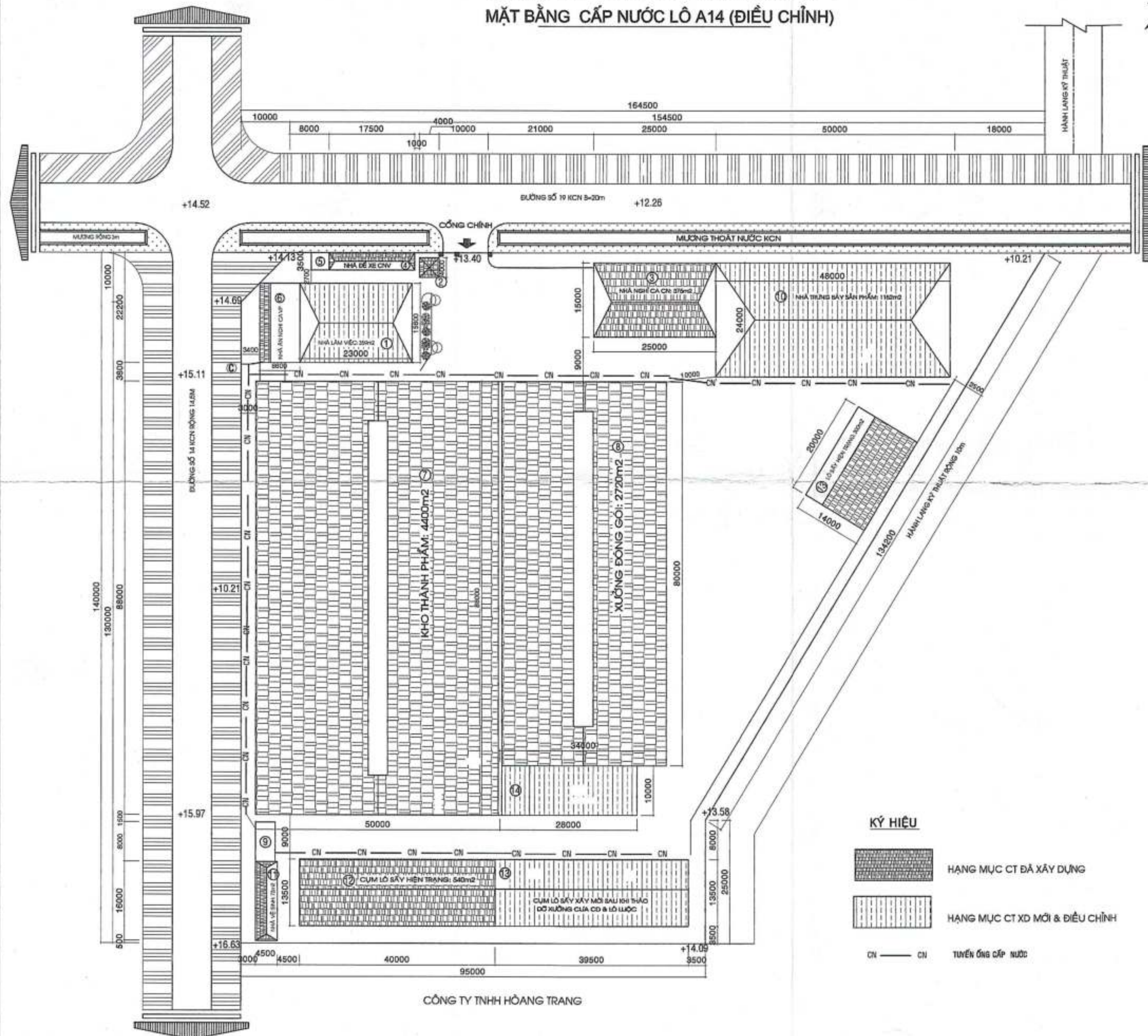
GHI CHÚ

1. NHÀ LÀM VIỆC DỰ KIẾN NÂNG LÊN 2 TẦNG: DT= 23mx15,6m = 359m²
2. NHÀ BẢO VỆ: DT=3,5mx3,5m= 12,2m²
3. NHÀ NGHỈ CA CN: DT=15mx25m= 375m²
4. NHÀ ĐỂ XE CNV: DT=3,5mx17m= 59,5m²
5. TRẠM ĐIỆN: DT=3,5mx3,5m= 12,2m²
6. NHÀ ĂN NGHỈ CA KHỐI VÁN PHÒNG: DT= 134m²
7. KHO THÀNH PHẨM: DT=88mx50m= 4400m²
8. XƯỞNG ĐÓNG GÓI: DT=80mx34m= 2720m²
9. TRẠM BƠM + BỂ NƯỚC: DT=4mx8m = 32m²
10. NHÀ TRUNG BÀY SẢN PHẨM XÂY MÔI: DT=24mx48m =1152m²
11. NHÀ VỆ SINH: DT=4,5mx16m =72m²
12. CỤM LÒ SẤY HIỆN TRẠNG = 840m²
13. LÒ SẤY CẢI TẠO: DT=13,5mx39,5m = 533m²
14. XƯỞNG ĐÓNG GÓI CẢI TẠO TỪ XƯỞNG PHỤN SƠN = 280m²

- NGUỒN NƯỚC CẤP SINH HOẠCH CỦA NHÀ MÁY DOANH NGHIỆP SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC CỦA CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH, VỊ TRÍ KẾT NỐI TẠI ĐIỂM C. SAU ĐÓ DOANH NGHIỆP ĐUA CUNG CẤP CHO CÁC KHU VỰC CẦN SỬ DỤNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG VÀ SINH HOẠT CỦA NHÀ MÁY

- HỆ THỐNG ỐNG CUNG CẤP NƯỚC SỬ DỤNG ỐNG NHỰA PVC, NHỮNG ĐOẠN QUA ĐƯỜNG LỒNG QUA ỐNG THÉP, NƯỚC CẤP SỬ DỤNG ÁP LỰC TỰ DẢI NƯỚC KIỂU TỰ CHẢY

- RIÊNG HẠNG MỤC SỐ 10 VÀ SỐ 13 XÂY MÔI TẬN DỤNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG ĐÃ CÓ CẤP NỐI TIẾP CUNG CẤP CHO 2 HẠNG MỤC NÀY



KÝ HIỆU

- HẠNG MỤC CT ĐÃ XÂY DỰNG
- HẠNG MỤC CT XD MỚI & ĐIỀU CHỈNH
- TUYẾN ỚNG CẤP NƯỚC

PHÊ DUYỆT

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: .../.../... NGÀY ... THÁNG ... NĂM ...
THAY THẾ CHO BAN VỆ ĐẢ PHÊ DUYỆT NGÀY 08/4/2008

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2010

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG

Lê Minh Chiến

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC	CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG	H. THÀNH
HẠNG MỤC	QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ	BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC. LÔ A14		KT
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		THIẾT KẾ - VẼ
KTS. NGUYỄN PHAN HOÀNG		KTS. NGUYỄN HỮU TẤT ĐẠT
		VÔ DÍNH SANG

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN LÔ A14 (ĐIỀU CHỈNH)



GHI CHÚ

1. Bể nước ngầm: 01-01 (01-01) 10.000
2. Bể nước ngầm: 01-02 (01-02) 10.000
3. Bể nước ngầm: 01-03 (01-03) 10.000
4. Bể nước ngầm: 01-04 (01-04) 10.000
5. Bể nước ngầm: 01-05 (01-05) 10.000
6. Bể nước ngầm: 01-06 (01-06) 10.000
7. Bể nước ngầm: 01-07 (01-07) 10.000
8. Bể nước ngầm: 01-08 (01-08) 10.000
9. Bể nước ngầm: 01-09 (01-09) 10.000
10. Bể nước ngầm: 01-10 (01-10) 10.000
11. Bể nước ngầm: 01-11 (01-11) 10.000
12. Bể nước ngầm: 01-12 (01-12) 10.000
13. Bể nước ngầm: 01-13 (01-13) 10.000
14. Bể nước ngầm: 01-14 (01-14) 10.000

Mặt bằng cấp điện của công ty TNHH Hoàng Hưng được lập dựa trên các tài liệu sau đây:
- Các tài liệu về quy hoạch, thiết kế, thi công và vận hành của công ty TNHH Hoàng Hưng.
- Các tài liệu về quy hoạch, thiết kế, thi công và vận hành của công ty TNHH Hoàng Hưng.
- Các tài liệu về quy hoạch, thiết kế, thi công và vận hành của công ty TNHH Hoàng Hưng.
- Các tài liệu về quy hoạch, thiết kế, thi công và vận hành của công ty TNHH Hoàng Hưng.

KÝ HIỆU

- HẠNG MỤC CÔNG TÁC MỚI DỰNG
- HẠNG MỤC CÔNG TÁC MỚI ĐIỀU CHỈNH
- TRƯỜNG CẤP ĐIỆN MỚI VÀ TẠO MỚI
- CHỈ DẪN VÀO CÁC CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

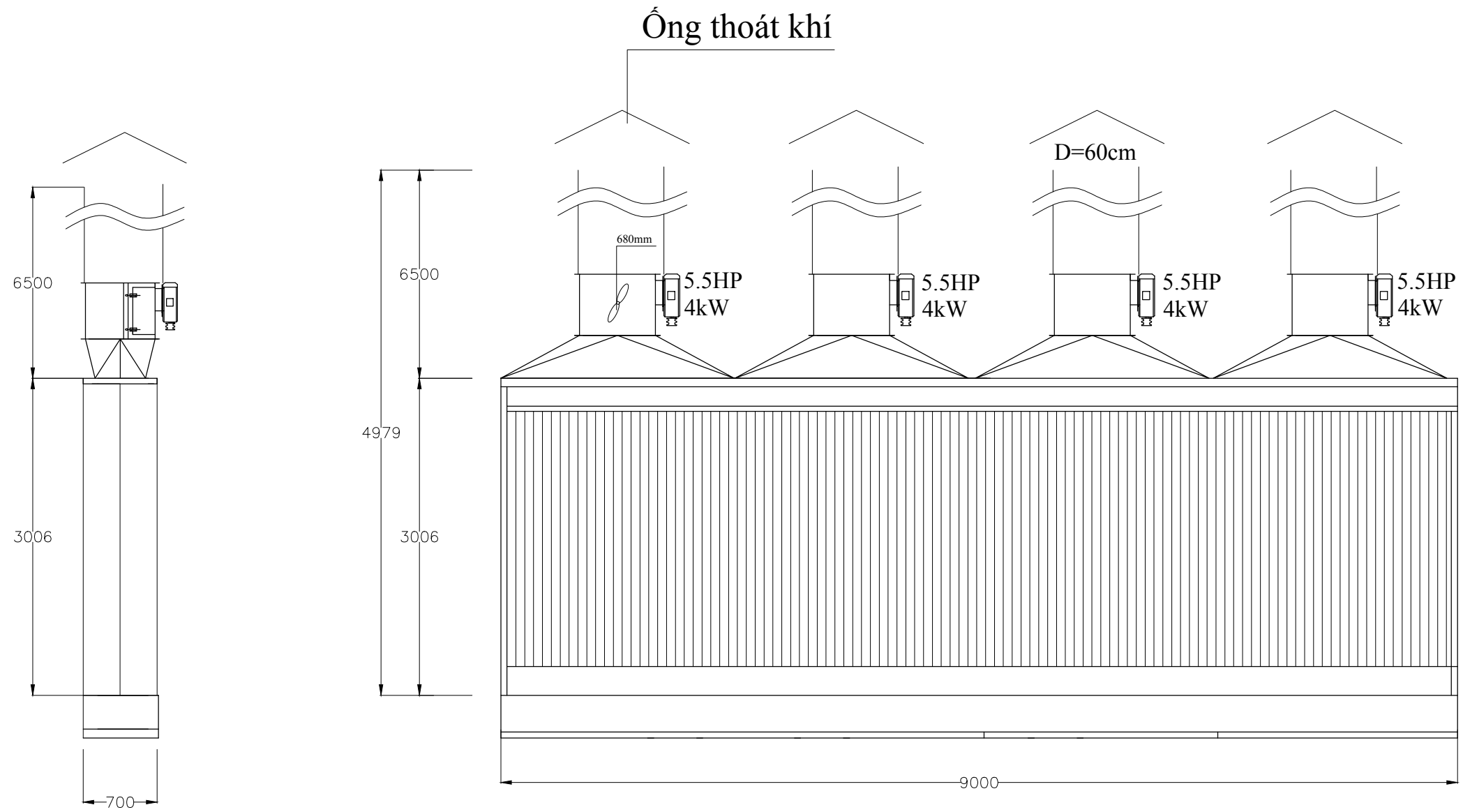
CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

NGÀY: ... THÁNG: ... NĂM 2010

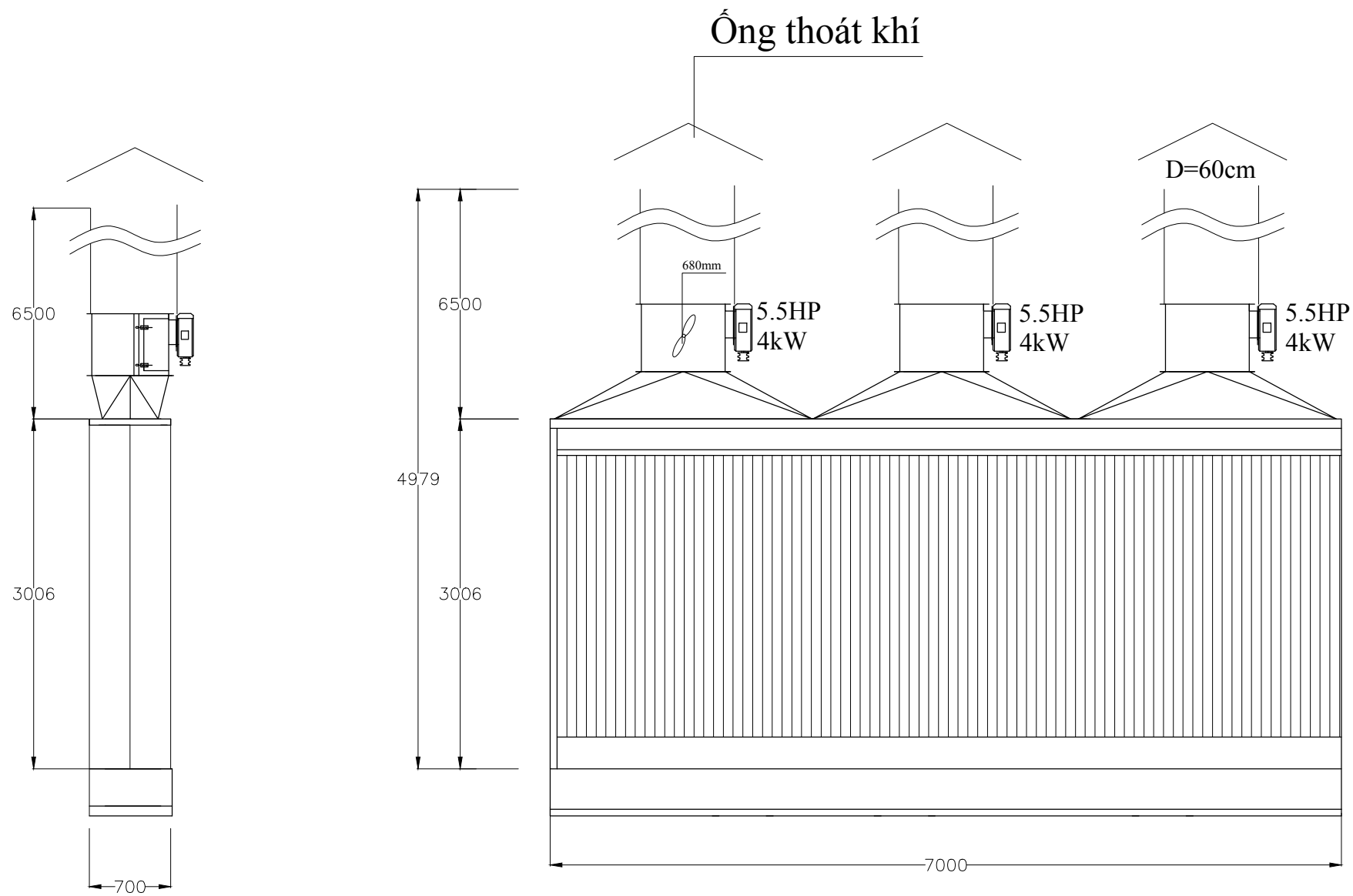
Đ. Minh Chiến



CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG		CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG	
CHỨC VỤ	TÊN NGƯỜI CHỨC VỤ	CHỨC VỤ	TÊN NGƯỜI CHỨC VỤ
ĐẠI DIỆN CÔNG TY	<i>[Signature]</i>	ĐẠI DIỆN CÔNG TY	<i>[Signature]</i>
CHỨC VỤ	<i>[Signature]</i>	CHỨC VỤ	<i>[Signature]</i>



CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG			Date :
THÁP PHUN SƠN KHÔ			TS-01
			Drawing No :
			Sheet No :
Approved by	Checked by	Designed by	Draw by



CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG			Date :
THÁP PHUN SƠN KHÔ DỰ PHÒNG			TS-02
			Drawing No :
			Sheet No :
Approved by	Checked by	Designed by	Draw by